

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Dạy học đại học là dạy nhận thức, dạy kỹ năng và dạy cảm nhận. Tùy theo khoa học (Tự nhiên hay Xã hội - Nhân văn, Cơ bản hay Công nghệ, Kỹ thuật ...), và tùy theo mục tiêu đào tạo (Đại học hay Sau đại học, chuyên môn hay nghiệp vụ, ...) mà chọn chủ điểm hay trọng tâm về dạy nhận thức, dạy kỹ năng hay dạy cảm nhận cho phù hợp.

Cuối thế kỷ XX, khoa học giáo dục đã chuyển từ quan điểm dạy học “lấy người dạy làm trung tâm”, sang quan điểm “lấy người học làm trung tâm” trong nhà trường từ tiểu học đến đại học là một cuộc cách mạng về giáo dục. Thực chất là chuyển từ chỗ lấy “việc dạy làm trung tâm” sang lấy “việc học làm trung tâm”. Khi “lấy việc học làm trung tâm” thì phương pháp giảng dạy và học tập trở nên có vai trò đặc biệt quan trọng. Đó cũng là tiền đề để ngành giáo dục nước ta tiến hành công cuộc đổi mới phương pháp Dạy - Học, đặc biệt là trong hệ thống giáo dục và đào tạo ở bậc đại học. Nâng cao chất lượng dạy và học trong đào tạo đại học, chuyển đổi hình thức đào tạo từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ là các nội dung quan trọng mà công tác đào tạo đại học ở nước ta đang thực hiện. Để thực hiện được yêu cầu đó rõ ràng cần phải có sự thay đổi từ gốc, tức là từ quá trình dạy và học trong từng môn học cụ thể. Chính vì vậy việc nghiên cứu thay đổi phương pháp giảng dạy các môn học nói chung và môn *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* nói riêng theo hướng phát huy tính chủ động sáng tạo của sinh viên đáp ứng yêu cầu dạy - học theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Dân lập Hải Phòng là một vấn đề mang tính bức thiết hiện nay. Chính vì lý do đó, chúng tôi đã lựa chọn đề tài **“Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp giảng dạy mới môn học *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* đáp ứng yêu cầu dạy - học theo học chế tín chỉ tại trường**

Đại học Dân lập Hải Phòng” cho công trình nghiên cứu khoa học cấp trường của mình.

2. Mục đích của đề tài:

Đề tài trước hết đi sâu phân tích những điểm bất cập của phương pháp giảng dạy đại học truyền thống trong xu thế hiện tại, từ đó từng bước xây dựng nội dung cụ thể cho việc đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng dạy và học môn học *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*. Mục tiêu quan trọng là cung cấp và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng và phương pháp tư duy, phát huy tính chủ động sáng tạo của sinh viên, giúp sinh viên thực sự làm chủ kiến thức đáp ứng yêu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

3. Lịch sử nghiên cứu vấn đề:

Giảng dạy đại học, nâng cao chất lượng giảng dạy nói chung và đào tạo theo học chế tín chỉ nói riêng là vấn đề đã được đề cập đến trong rất nhiều tài liệu, các công trình nghiên cứu ở các cấp độ khác nhau. Gần đây, ngành giáo dục cũng thường xuyên tổ chức nhiều cuộc hội thảo qui mô để bàn thảo về các vấn đề này. Ở nhiều trường đại học, giảng viên cũng được yêu cầu từng bước nghiên cứu, thay đổi phương pháp giảng dạy đối với những môn học do mình phụ trách cho phù hợp với xu thế chung và yêu cầu của thời đại. Môn học *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* là một môn học được giảng dạy trong nhiều trường đại học, đặc biệt là dành cho sinh viên các ngành khoa học xã hội. Rải rác trên các website, đã có nhiều bài viết hay một phần giáo án điện tử được đăng tải đóng góp ý kiến thay đổi nội dung, phương pháp giảng dạy một số bài giảng có trong chương trình môn học. Gần đây nhất, năm 2004, đã có một công trình đề cập trực tiếp đến việc thay đổi phương pháp dạy - học đối với môn học này do NXB Đại học Quốc gia Hà Nội ấn hành. Đó là cuốn **“Đổi mới phương pháp dạy - học môn Cơ sở Văn hóa Việt Nam”** do TS. Chu Thị Thanh Tâm - Đại học Ngoại ngữ (Đại học Quốc gia Hà Nội) và ThS. Trần Thúy Anh - Đại học

Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội là đồng tác giả. Mục tiêu của các tác giả khi biên soạn công trình này là dựa vào phương pháp Multimedia (đa phương tiện), ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng một giáo án điện tử tương đối hoàn chỉnh bằng phần mềm Powerpoint. Với phương pháp này, các tác giả có thể định lượng khối kiến thức cần và đủ cho sinh viên, cung cấp cho sinh viên một hệ thống kiến thức về văn hóa học, về lịch sử cũng như những đặc điểm, đặc trưng của văn hóa Việt Nam. Đồng thời, với việc mô hình hóa các kiến thức đó dưới dạng tranh ảnh, bảng biểu, sơ đồ, các tác giả cũng giúp cho sinh viên tiếp cận sâu hơn với môn học và bước đầu làm quen với việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình học tập môn học. Một đóng góp nữa của công trình nói trên là bên cạnh việc xây dựng một số bài giảng mẫu bằng Powerpoint, các tác giả cũng đưa ra một hệ thống các câu hỏi và đề thi trắc nghiệm, bán trắc nghiệm, tự luận làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo học chế tín chỉ, đòi hỏi cả người dạy và người học phải áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy và học tập đa dạng khác nhau. Việc sử dụng giáo án điện tử là một thế mạnh, nhưng nếu quá lạm dụng có thể gây nên tâm lý nhàm chán và sự mất tập trung của người học. Chẳng hạn như nhiều sinh viên quá dễ tâm vào các hình ảnh, dẫn chứng minh họa mà đôi khi không chú ý đến những thuyết giảng và phân tích của giáo viên, trong khi điều này mới thực sự quan trọng. Hơn nữa, mỗi trường đại học có một định hướng giáo dục và chương trình đào tạo khác nhau, đặc thù của sinh viên mỗi khoa, mỗi ngành, mỗi trường cũng không giống nhau nên việc áp dụng cứng nhắc một chương trình giảng dạy hay sao chép của một trường khác là điều không thể. Chính vì vậy, công tác nghiên cứu từ việc thiết kế chương trình chi tiết môn học đến việc xác lập các hình thức tổ chức, đổi mới phương pháp dạy - học phù hợp với yêu cầu lấy người học làm trung tâm nhằm nâng cao chất lượng dạy và học đối với môn học *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* ở trường Đại học Dân lập Hải Phòng trong yêu cầu

chuyển đổi sang đào tạo theo học chế tín chỉ vẫn là một nội dung mới cần được tiến hành một cách khoa học và nghiêm túc.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài:

Trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của các thành tựu khoa học công nghệ trên thế giới hiện nay, việc đào tạo nguồn nhân lực đại học có chất lượng cao, chủ động sáng tạo, đáp ứng được yêu cầu phát triển của xã hội đang là mối quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta. Do đó, việc đổi mới phương pháp giảng dạy trong các trường đại học và đổi với từng môn học cụ thể được coi là một phần quan trọng đóng góp vào sự nghiệp giáo dục chung của đất nước.

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng hiện nay là một trong những trường đi đầu trong công tác đổi mới phương pháp giảng dạy. Để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi hình thức đào tạo từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ của trường, việc nghiên cứu, phân tích và đưa ra các biện pháp cụ thể nhằm đổi mới phương pháp dạy và học đối với các môn học nói chung và đổi với môn học *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* nói riêng càng có ý nghĩa thiết thực hơn bao giờ hết:

Trước hết, với tư cách là một trong những môn học cơ sở, việc tiến hành đổi mới phương pháp giảng dạy môn học *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu; phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, nâng cao kỹ năng làm việc với người khác, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, kỹ năng trình bày, thảo luận cho sinh viên.

Bên cạnh đó, trong quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy, vai trò của giảng viên là rất quan trọng. Thông qua việc nghiên cứu, ứng dụng các phương pháp giảng dạy mới cũng góp phần hoàn thiện thêm kiến thức và kỹ năng của giảng viên, tăng cường vai trò tổ chức, hướng dẫn, định hướng, điều

khuyến khích của giảng viên đối với hoạt động học, hoạt động tư duy sáng tạo và rèn luyện kỹ năng của sinh viên. Đồng thời, thúc đẩy và tăng cường mối liên kết giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học; nâng cao chất lượng đào tạo nói chung, dạy học nói riêng.

Cuối cùng, hy vọng sự thành công của đề tài cũng sẽ góp phần thúc đẩy việc triển khai phương thức đào tạo theo tín chỉ tại trường Đại học Dân lập Hải Phòng sớm đi đến thành công và đạt được nhiều kết quả tốt.

5. Phương pháp nghiên cứu:

Đây là một đề tài vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn cao, do đó, để thực hiện đề tài này, chúng tôi đã sử dụng kết hợp một số phương pháp nghiên cứu cơ bản sau:

Phương pháp thu thập và xử lý tư liệu: Là phương pháp chính được sử dụng trong đề tài. Trên cơ sở thu thập thông tin tư liệu từ nhiều lĩnh vực, nhiều nguồn khác nhau có liên quan tới đề tài nghiên cứu, người viết sẽ xử lý, chọn lọc để có những kết luận cần thiết, có được tầm nhìn khái quát về vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp điều tra xã hội học: Phương pháp này có ý nghĩa quan trọng trong việc tìm hiểu nhu cầu học tập của sinh viên. Thông qua việc phỏng vấn trực tiếp hoặc phát phiếu điều tra, chúng tôi sẽ nắm bắt được tâm lý của sinh viên, yêu cầu của họ đối với giảng viên và đối với môn học, từ đó có định hướng để thay đổi phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

Phương pháp chuyên gia: Bên cạnh việc tìm hiểu nhu cầu, sở thích, tâm lý của sinh viên, chúng tôi cũng quan tâm đến việc tham khảo ý kiến chuyên gia là những người có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực văn hóa hoặc đã tham gia giảng dạy lâu năm đối với môn học *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*. Trên

cơ sở đó sẽ rút ra những bài học cần thiết cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy của mình.

Ngoài các phương pháp kể trên, đề tài còn sử dụng kết hợp nhiều phương pháp khoa học khác như *phương pháp thống kê, phân tích, so sánh, tổng hợp*, mục đích là thống kê các đối tượng nghiên cứu, phân tích, so sánh, tổng hợp các thông tin và số liệu cũng như các vấn đề thực tiễn được tiến hành một cách hệ thống để phát hiện ra những đặc trưng nổi bật của đối tượng nghiên cứu.

6. Kết cấu của đề tài:

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, kết cấu của đề tài được chia làm 3 chương. Chương 1 có tên là “*Các vấn đề lý luận cơ bản về phương pháp giảng dạy đại học áp dụng trong học chế tín chỉ và tổng quan về môn học Cơ sở Văn hóa Việt Nam*”. Chương này sẽ trình bày về một số khái niệm, thuật ngữ, lý luận có liên quan đến phương pháp giảng dạy đại học trong học chế tín chỉ, đồng thời giới thiệu những đặc điểm cơ bản của môn học *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* - đối tượng nghiên cứu chính của đề tài. Chương 2 - “*Áp dụng một số phương pháp giảng dạy mới đối với môn học Cơ sở Văn hóa Việt Nam - kết quả và đánh giá*” bao gồm các vấn đề sau: khảo sát về quá trình dạy và học môn *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* theo hệ thống đào tạo niên chế trước đây; trình bày về một số phương pháp đã áp dụng (nội dung và những bài học thu được); kết quả điều tra khảo sát ý kiến sinh viên. Chương 3 có tên gọi “*Bổ sung một số phương pháp giảng dạy mới và đề xuất một số mô hình bài giảng- bài tập thực tế theo phương pháp giảng dạy tích cực lấy người học làm trung tâm*” sẽ đề xuất thêm một số phương pháp mới có thể áp dụng trong từng tiết học và nội dung học tập cụ thể, hy vọng có thể ứng dụng trong việc giảng dạy tại trường Đại học Dân lập Hải Phòng trong các khóa học sau.

CHƯƠNG 1:

CÁC VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY ĐẠI HỌC ÁP DỤNG TRONG HỌC CHẾ TÍN CHỈ VÀ TỔNG QUAN VỀ MÔN HỌC CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

1.1. Khái quát các vấn đề lý luận cơ bản về phương pháp giảng dạy đại học áp dụng trong học chế tín chỉ

1.1.1. Một số khái niệm và thuật ngữ

1.1.1.1. Phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học là hệ thống những cách thức hoạt động (bao gồm các hành động và thao tác) của giảng viên và sinh viên nhằm thực hiện tốt mục đích và nhiệm vụ dạy học xác định.

Phương pháp dạy học bao gồm phương pháp giảng dạy (gọi tắt là phương pháp dạy) và phương pháp học tập (gọi tắt là phương pháp học).

- Phương pháp dạy: là phương pháp tổ chức hoạt động nhận thức cho người học, phương pháp điều khiển các hoạt động trí tuệ và thực hành như dạy tự học, dạy học kiểu tìm hiểu, dạy học giải quyết vấn đề, phương pháp giáo dục ý thức và thái độ đúng đắn cho sinh viên.

- Phương pháp học: là phương pháp tự điều khiển hoạt động nhận thức và rèn luyện khả năng thu thập thông tin để hình thành hệ thống tri thức và kỹ năng thực hành, hình thành nhân cách của người học và thành đạt mục tiêu học tập.

Hai phương pháp này không tồn tại độc lập, tách rời nhau mà liên quan và phụ thuộc lẫn nhau, vừa là mục đích vừa là nguyên nhân tồn tại của nhau.

1.1.1.2. Đối mới phương pháp dạy học

Đổi mới Phương pháp dạy học được hiểu là đổi mới nội dung, giáo trình, cách tiến hành các phương pháp dạy và phương pháp học, đổi mới các phương tiện và hình thức triển khai phương pháp trên cơ sở khai thác triệt để ưu điểm của các phương pháp truyền thống và vận dụng linh hoạt một số phương pháp dạy - học tiên tiến nhằm nâng cao tính chủ động, sáng tạo, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, phát huy tối đa tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học, nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu, nâng cao các kỹ năng cần thiết về nghề nghiệp, kỹ năng làm việc với người khác, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, kỹ năng trình bày, thuyết phục, kỹ năng tự phát triển...

1.1.1.3. Tín chỉ và Học chế tín chỉ

Tín chỉ là đại lượng đo khối lượng lao động học tập trung bình của người học, tức là toàn bộ thời gian mà một người học bình thường phải sử dụng để học một môn học, bao gồm: 1) thời gian học tập trên lớp; 2) thời gian học tập trong phòng thí nghiệm, thực tập hoặc làm các phần việc khác đã được quy định ở đề cương môn học; và 3) thời gian dành cho việc tự học ngoài lớp như đọc sách, nghiên cứu, giải quyết vấn đề hoặc chuẩn bị bài ... Tín chỉ còn được hiểu là khối lượng kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học mà người học cần phải tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định.

Bản chất của *Học chế tín chỉ* là thực hiện một qui trình đào tạo:

Bước thứ nhất đó là thực hiện phương châm “Tất cả vì người học”. Đây là cách tốt nhất đáp ứng các mong muốn của người học khi học đại học.

Mục tiêu thứ hai của đào tạo tín chỉ là mang lại hiệu quả đào tạo cao. Hiệu quả đào tạo được xác định dựa trên chất lượng và hiệu suất đào tạo. Hiệu quả đào tạo chỉ cao khi chất lượng đào tạo đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực của xã hội và có hiệu suất cao thể hiện qua việc khai thác triệt để các

nguồn lực như nhân lực, vật lực, tài lực để đào tạo.

Đặc điểm thứ ba của đào tạo theo tín chỉ là “Công nghệ hóa đào tạo” bằng cách áp dụng qui trình đào tạo mang tính công nghệ cao, phù hợp với yêu cầu và điều kiện của thời đại.

Yêu cầu thứ tư của đào tạo theo hệ thống tín chỉ là phải “thích ứng với kinh tế thị trường”, tuân theo qui luật giá trị, cạnh tranh làm động lực không ngừng nâng cao chất lượng (người học được chọn thầy, chọn môn học...) và nguồn nhân lực chuyển đổi ngành nghề nhanh.

Mục tiêu cuối cùng của đào tạo tín chỉ là từng bước tiến tới đáp ứng xu thế toàn cầu hóa, cho phép chuyển đổi, trao đổi và liên thông toàn cầu¹.

Theo hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ, vai trò của người học được phát huy tích cực tối đa dựa trên sự trợ giúp của người giáo viên và ảnh hưởng của môi trường xung quanh chi phối. Do đó, trong các mục tiêu trên, việc thực hiện phương châm “Tất cả vì người học” được đặt lên hàng đầu. Chính vì vậy khi đề cập đến việc đổi mới phương pháp giảng dạy cho phù hợp với yêu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ, hầu hết chúng ta đều hiểu đó là việc chuyển đổi từ phương pháp giảng dạy truyền thống lấy “giáo viên làm trung tâm” sang phương pháp giảng dạy lấy “Người học làm trung tâm”. Sự khác biệt giữa hai mô hình và hai phương pháp giảng dạy này có thể được hình dung qua bảng sau:

¹ Phần 1.1.1 chủ yếu trích dẫn từ văn bản HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHÙ HỢP VỚI PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO THEO TÍN CHỈ của Đại học Quốc gia Hà Nội, ban hành ngày 11/8/2006.

	Giáo viên làm trung tâm	Học viên làm trung tâm
Truyền thụ kiến thức	Kiến thức được truyền thụ từ giáo viên đến học viên theo những gì giáo viên nói, được tiếp thu và được học bởi học viên.	Kiến thức xây dựng được từ người học qua việc thu thập, tổng hợp và tích hợp thông tin với các kỹ năng như điều tra, trao đổi cũng như tư duy phê phán và tư duy sáng tạo.
Tiếp nhận kiến thức	Sinh viên thường thụ động (không có vai trò, kế hoạch trong việc học; chỉ ngồi nghe giảng).	Sinh viên có nhiệm vụ và vai trò tích cực (có kế hoạch trong việc học, tác động với giảng viên và các học viên khác, nghiên cứu và đánh giá).
Sử dụng kiến thức	Nhấn mạnh lĩnh hội kiến thức (thường là nhớ thông tin) ngoài bối cảnh thực tế mà kiến thức được sử dụng.	Nhấn mạnh sử dụng và trao đổi kiến thức có hiệu quả nhằm vào những vấn đề mà giống như sẽ gặp trong đời sống thực.
Vai trò của giáo viên	Giáo viên là người tạo ra kiến thức và điều khiển các hoạt động.	Giảng viên như người hướng dẫn, cố vấn, huấn luyện và thúc đẩy việc học.
Thời gian và địa điểm học tập	- Học trong thời gian ngắn: nhấn mạnh vào việc cạnh tranh công việc được phân và học cho các co thi. - Học bắt buộc ở nơi cố định (phòng học, thư viện, phòng labs).	- Học lâu dài: nhấn mạnh vào việc học suốt đời. - Có thể học ở bất cứ nơi nào.

Kiểm tra đánh giá	Kiểm tra đánh giá được sử dụng để đánh giá kết quả học tập. Giáo viên là người đánh giá kết quả học tập.	Ngoài đánh giá kết quả học tập, kiểm tra đánh giá còn được sử dụng để khảo sát vấn đề và thúc đẩy việc học sâu hơn. Giáo viên và học viên cùng đánh giá kết quả học tập.
Văn hóa học	Văn hóa học là cạnh tranh và cá thể hóa.	Văn hóa học là hợp tác, cộng tác và trợ giúp.

(Tổng hợp lại từ Lê Đức Ngọc và Cao Xuân Liễu, Khoa Sư phạm - Trường đại học Đà Lạt, PHƯƠNG PHÁP SƯ PHẠM TƯƠNG TÁC VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ)

Với sự so sánh và đối chiếu như trên, khi tiến hành đổi mới phương pháp giảng dạy áp dụng đối với từng môn học cụ thể, giáo viên có thể căn cứ vào sự khác biệt đó để có sự thay đổi cho phù hợp với mục tiêu và yêu cầu của chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo nói chung và của trường mình nói riêng.

1.1.2. Nội dung của phương pháp dạy học ở trường đại học

Như chúng ta đã biết, phương pháp dạy học bao gồm phương pháp dạy và phương pháp học. Nhưng để người học phát huy được phương pháp học chủ động, sáng tạo của mình thì ngoài việc truyền đạt kiến thức đến người học, việc dạy cách học cho người học cũng là một vấn đề cần được đặt lên hàng đầu trong các trường đại học. Hầu hết các môn học hiện nay mới chỉ chú trọng đến việc làm sao để người học tiếp thu được thật nhiều kiến thức lý thuyết của môn học mà chưa quan tâm đến việc kiến thức của từng môn học cần phải được tiếp nhận theo nhiều cách thức và bằng nhiều phương pháp khác nhau. Chính vì vậy, trước khi tiến hành đổi mới phương pháp dạy - học, thiết nghĩ mỗi giáo viên cần chuẩn bị cho mình những kiến thức nền tảng để có thể dạy cho sinh viên những cách thức tiếp cận đối với môn học mà mình phụ trách.

Dạy cách học về cơ bản, có thể chia thành các nội dung sau:

1.1.2.1. Dạy cách lập kế hoạch học tập

Trước hết cần dạy cho sinh viên cách lập kế hoạch phân đầu trong học tập với mục tiêu cụ thể để có mục tiêu phân đầu, để phân biệt được việc chính với việc phụ, việc làm ngay với việc sẽ phải làm và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu phân đầu để từng bước tích lũy kết quả học tập.

Sau đó, cần dạy cho sinh viên cách lập kế hoạch sử dụng thời gian để làm chủ được quỹ thời gian và không quên các việc sẽ phải làm, không bị động trước rất nhiều các tư liệu cần phải đọc và các công việc phải hoàn thành đúng hạn...

1.1.2.2. Dạy cách nghe giảng và ghi bài trên lớp

Nguyên tắc chính của việc nghe - ghi là nghe - ghi đầy đủ, tỉ mỉ để có khả năng kết hợp cao nhất đồng thời thính giác, thị giác và tri giác, nhờ đó hiểu và tái hiện thông tin - tri thức một cách dễ dàng và sâu sắc nhất. Trong quá trình nghe - ghi cần áp dụng linh hoạt các thủ thuật nghe - ghi tùy theo đặc điểm của từng môn học, có thể dùng các cách viết tắt, viết gạch chân để nhấn mạnh và dễ nhớ. Qua cách ghi bài cũng cho thấy khả năng nắm bắt, nhìn nhận và phân tích vấn đề của từng sinh viên. Sinh viên có thể ghi bài tùy theo cách hiểu và mối quan tâm đến nội dung bài giảng của mình.

1.1.2.3. Dạy cách học bài

Để chuẩn bị cho buổi học tiếp theo hoặc kiểm tra lại những kiến thức đã được học, người học cần phải biết cách học bài. Học bài có thể theo hai phương pháp: Tự học hoặc Học nhóm. Nếu là tự học, người học có thể áp dụng cách tự học theo các bậc nhận thức cao dần như học vận dụng, học phân tích, học tổng hợp và học bình luận đánh giá từng kiến thức, học tư duy trừu tượng, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo trong mối quan hệ hệ thống của các

kiến thức.

Bên cạnh việc tự học, việc học nhóm cũng rất quan trọng. Đây là cách học rất tốt để giúp sinh viên có cơ hội học cách giao tiếp, học cách trình bày diễn giải bằng lời, học cách thuyết phục đồng nghiệp, học cách quản lý và tổ chức từ một nhóm nhỏ học tập đến một hội thảo đông đảo, học cách tham khảo trí tuệ của bạn học và những người khác... Tuy nhiên không phải sinh viên nào cũng sẵn sàng cho việc học nhóm và biết cách học nhóm, vì vậy nhiệm vụ của giáo viên là giúp họ vượt qua những trở ngại về tâm lý, khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động tập thể, định hướng cho họ và khơi dậy tiềm năng sẵn có của mỗi người để có kết quả học tập tốt nhất.

1.1.2.4. Dạy cách đọc tài liệu

Với mỗi môn học, ngoài giáo trình chính, tài liệu tham khảo có thể có rất nhiều, nhưng nếu không biết cách đọc, tài liệu đó sẽ trở nên vô ích. Vì vậy, ngoài việc giới thiệu tên sách, các công trình nghiên cứu hoặc tài liệu tham khảo, các website..., giáo viên cũng nên hướng dẫn cho sinh viên cách chọn tài liệu đọc, một là phù hợp với mục tiêu môn học, hai là phù hợp với trình độ người học, ba là phù hợp với mức độ quan tâm đến môn học (ví dụ như một số sinh viên có hứng thú với môn học thường tìm đọc thêm những tài liệu cho phép họ đào sâu hoặc mở rộng thêm kiến thức...).

Chọn được tài liệu rồi, nhưng cách đọc như thế nào (đọc kỹ hay đọc lướt, đọc để biết hay đọc để thu nạp kiến thức...) và cách ghi lại những điều học được từ tài liệu như thế nào cũng rất quan trọng. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực và ý thức rất lớn từ phía người học. Nhưng nếu được trang bị kiến thức nền tảng đầy đủ, chắc chắn người học sẽ biết đọc tài liệu và ghi chép lại phục vụ cho việc lưu giữ thông tin, bổ sung vào bài giảng của giáo viên đồng thời nâng cao năng lực tự học, nâng cao tri thức, nhận thức của bản thân.

1.1.2.5. Dạy cách nghiên cứu và giải quyết vấn đề

Biết cách nghiên cứu và giải quyết vấn đề là một trong những đòi hỏi đầu tiên của hệ thống đào tạo theo học chế tín chỉ. Đây là phương thức tốt nhất góp phần nâng cao khả năng chủ động, sáng tạo, nâng cao năng lực tư duy của người học. Quá trình này gồm có ba bước. Bước thứ nhất là dạy cách chọn vấn đề (theo ý nghĩa khoa học hay ý nghĩa thực tiễn; theo sở thích hay theo hệ thống nghiên cứu của giáo viên...). Bước thứ hai là dạy cách nghiên cứu vấn đề, từ cách xây dựng đề cương nghiên cứu; cách thu thập tư liệu; cách viết tổng quan; cách phân tích, tổng hợp và bình luận đánh giá các tư liệu thu thập được cho đến việc đề xuất phương hướng giải quyết vấn đề... Bước thứ ba là dạy cách giải quyết vấn đề thông qua việc chọn lọc phương pháp giải quyết vấn đề, các bước triển khai giải quyết vấn đề, các thử nghiệm giải quyết vấn đề và cách kiểm tra đánh giá kết quả giải quyết vấn đề.

Tóm lại, sau khi sinh viên đã được trang bị và tìm hiểu về phương pháp học trong trường đại học, thì việc đổi mới phương pháp giảng dạy của giáo viên mới có thể tiến hành thuận lợi và có kết quả như mong muốn. Nhưng với thời lượng nhất định của từng môn học, việc dạy cách học cho sinh viên khó có thể thực hiện toàn bộ ngay từ đầu, vì vậy đòi hỏi giáo viên trong quá trình lên lớp, cùng với việc thiết kế các mô hình bài giảng, tùy theo yêu cầu của bài giảng có thể kết hợp hướng dẫn sinh viên thêm từng cách học phù hợp với bài giảng đó. Điều này sẽ cho sinh viên học hiệu quả hơn đồng thời tăng cường hứng thú với môn học².

² Phần 1.1.2 chủ yếu trích dẫn theo Lê Đức Ngọc, PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC ĐẠI HỌC ÁP DỤNG TRONG HỌC CHẾ TÍN CHỈ.

1.2. Phân tích đặc điểm của môn học Cơ sở Văn hóa Việt Nam

Những năm gần đây, nhận thức về vai trò của văn hóa ở nước ta được nâng lên đúng với giá trị đích thực của nó. Nghị quyết hội nghị lần thứ 4 của Ban chấp hành Trung ương khóa VII đã khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, thể hiện tầm cao và chiều sâu về trình độ phát triển của một dân tộc, là sự kết tinh những giá trị tốt đẹp nhất trong quan hệ giữa người với người, với xã hội và với thiên nhiên. Nó vừa là một động lực thúc đẩy vừa là một mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của chúng ta³.

Cùng chung nhận định đó, cố thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đã từng nhấn mạnh rằng: “Văn hóa là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử của dân tộc, nó làm nên sức sống mãnh liệt, giúp cộng đồng dân tộc Việt Nam vượt qua biết bao sóng gió và thác ghềnh tưởng chừng không thể vượt qua được, để không ngừng phát triển và lớn mạnh”. Nhận thức được vai trò to lớn của văn hóa, tại Hội nghị lần thứ 8 của ủy ban quốc gia về Thập kỉ phát triển văn hóa của Việt Nam được tổ chức vào tháng 12-1994, đã đưa ra kiến nghị: “Bộ Giáo dục và Đào tạo cần đưa vào chương trình giảng dạy ở các trường học nội dung bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa, giáo dục cho thanh niên và học sinh về giá trị của văn hóa dân tộc và di sản văn hóa Việt Nam, nâng cao lòng tự hào dân tộc và ý thức bảo vệ di sản văn hóa”. Ngày 10-1-1995, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã kí công văn số 173/VP về việc tăng cường giáo dục các giá trị văn hóa dân tộc và di sản văn hóa Việt Nam, yêu cầu các cơ quan có liên đới chuẩn bị hệ thống giáo trình, chính thức đưa vào chương trình giáo dục đại học, cao đẳng môn *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* như một môn học đại cương bắt buộc với nhóm ngành khoa học xã hội, để phục vụ việc học tập của sinh viên.

Để đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập đối với môn học còn rất mới này, một số nhà khoa học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phân công biên

³ Dẫn lại theo Trần Quốc Vượng, Lời nói đầu giáo trình CSVHVN, trang 5.

soạn giáo trình. Trải qua nhiều lần bổ sung, hoàn thiện, đến nay có hai cuốn giáo trình chính thức được sử dụng trong các trường đại học và cao đẳng. Mặc dù cùng có tên là “Cơ sở Văn hóa Việt Nam” nhưng một cuốn do GS. Trần Quốc Vượng chủ biên, cuốn còn lại do GS.VS. Trần Ngọc Thêm biên soạn. Giáo trình của Trần Ngọc Thêm được sử dụng chủ yếu ở các trường phía Nam, còn tại các trường phía Bắc, thường có khuynh hướng sử dụng kết hợp cả hai cuốn giáo trình này.

Như vậy, có thể coi môn học *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* là một trong những bộ môn khoa học mới thuộc lĩnh vực Văn hóa học. Nhưng như chúng ta đều biết, trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khái niệm văn hóa khá mơ hồ và được nhận thức rất khác nhau. Xuất phát từ nền tảng ban đầu đó, đã hình thành nên những đặc thù rất riêng của môn học này.

Trước hết, đây là một môn học nặng về lý thuyết. Mục tiêu chính của môn học là nhằm cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cần thiết cho việc hiểu một nền văn hóa, giúp họ nắm được những đặc trưng cơ bản cùng các qui luật hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam. Nội dung cụ thể là cung cấp các khái niệm về văn hóa, chức năng của văn hóa, đặc trưng của văn hóa..., từ đó đi sâu vào tìm hiểu các thành tố của văn hóa Việt Nam như Văn hóa nhận thức, Văn hóa tổ chức đời sống tập thể, Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội. Với một nội dung phong phú như vậy, rất khó để giáo viên truyền tải được đầy đủ lượng kiến thức cần thiết đến sinh viên mà không gây cho họ tâm lý e ngại, và cũng không dễ để sinh viên tiếp nhận một cách hệ thống những yêu cầu và kiến thức của môn học.

Thứ hai, đây là một môn học có liên quan đến nhiều lĩnh vực khoa học như Ngôn ngữ, Văn chương, Mỹ thuật, Nghệ thuật, Lịch sử, Địa lý, Tôn giáo... nên đòi hỏi cả người dạy và người học vừa phải có kiến thức sâu và

rộng, vừa phải có tư duy rõ ràng để có thể xem xét và nhìn nhận các vấn đề một cách vừa bao quát vừa cụ thể.

Không chỉ có vậy, lượng kiến thức rộng của môn học còn đến từ việc tích hợp đa chiều cả kiến thức thực tế và kiến thức thu thập được trong sách vở. Chính vì vậy, việc tích lũy kiến thức, chọn lọc và phân loại, giữ lại những gì cần thiết cũng là một yêu cầu không đơn giản đối với cả người dạy và người học. Tuy nhiên, với việc kết hợp tìm hiểu những vấn đề có trong thực tế, cho phép người học có được cái nhìn đa chiều hơn, có cơ hội vận dụng tư duy, qua đó tăng cường sự hứng thú với môn học, nâng cao khả năng chủ động sáng tạo trong quá trình học tập.

Một khó khăn nữa nhưng cũng là một thuận lợi đối với môn học. Đó là giáo trình được viết theo những quan điểm khác nhau và số lượng tài liệu tham khảo để giảng dạy và học tập là rất lớn. Do đó, có thể phát huy tối đa tính chủ động của sinh viên trong việc tìm tòi và cập nhật tài liệu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Mặt khác, người học cũng có thể so sánh, đối chiếu các nguồn tài liệu, các quan điểm của các nhà văn hóa, các nhà nghiên cứu để làm cho kiến thức môn học thu thập được sâu hơn, đa dạng và đa chiều hơn. Song, người học cũng dễ dàng vấp phải một vấn đề là tài liệu có thể có nhiều nguồn, cả chính thức và không chính thức, đã được công nhận hoặc đôi khi chỉ là ý kiến chủ quan của một người nào đó không có chuyên môn về lĩnh vực Văn hóa học. Với thực trạng công nghệ thông tin bùng nổ như hiện nay, việc gửi thông tin và download thông tin trên mạng Internet là rất phổ biến. Chỉ cần đánh một cụm từ cần tìm trên một số trang web chuyên về tìm kiếm thông tin, website sẽ trả về cho chúng ta từ vài tới vài trăm, thậm chí là vài ngàn kết quả từ các trang có liên quan. Khi đó, thật khó cho người tìm kiếm có thể xác định thông tin nào là cần thiết, thông tin nào là chính xác nếu như anh ta không có một lượng kiến thức và một sự định hướng nhất định để phân biệt. Tình trạng này rất dễ xảy ra với sinh viên khi họ chưa được cung cấp đầy đủ những yêu

câu và hiểu biết tổng quan về môn học trước khi học. Bên cạnh những tri thức hữu ích, rất có thể người học cũng tiếp thu luôn những hệ quan điểm sai lầm hoặc những kiến thức chưa được đánh giá, phân loại và kiểm chứng. Đây sẽ là một khó khăn cho giáo viên trong việc định hướng lại mục đích học cho người học.

Một đặc thù nữa của môn học *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, đó là với tư cách là một bộ môn của Văn hóa học, môn học này mang đầy đủ những đặc trưng của “Văn hóa”. Văn hóa vốn dĩ là một khái niệm rất mơ hồ, cùng một sự kiện, một vấn đề nhưng văn hóa cho phép người ta nhìn nhận nó dưới nhiều góc độ, nhiều quan điểm khác nhau. Văn hóa không phải là một thứ bất biến, trái lại nó luôn luôn vận động, luôn luôn thay đổi cùng những biến động của xã hội. Nền văn hóa Việt Nam mặc dù đã được định hình qua thời gian và qua truyền thống văn hóa, nhưng các bậc thang giá trị của văn hóa Việt Nam không phải khi nào cũng được nhìn nhận nguyên vẹn như vậy. Một giá trị văn hóa được khẳng định dưới thời kỳ lịch sử này, rất có thể thời kỳ sau người ta lại phủ định nó; dưới cái nhìn lịch đại hoặc đồng đại, người ta sẽ xem xét các giá trị văn hóa không giống nhau... Vì thế, trong hàng ngàn tài liệu tham khảo, đối diện với nhiều hệ thống quan điểm, và với một gia tài văn hóa đồ sộ của dân tộc, nhiệm vụ của người giáo viên là phải biết chọn lọc ra những giá trị văn hóa đặc sắc nhất, những di sản văn hóa đã được công nhận, những vấn đề ít bị bàn cãi nhất, để có thể cung cấp cho sinh viên một hệ thống kiến thức cơ sở và cơ bản nhất về nền văn hóa Việt Nam đúng như tên gọi của môn học - *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* - chỉ trong một giới hạn thời lượng chương trình khiêm tốn 2 đến 3 tín chỉ.

Bên cạnh rất nhiều những khó khăn kể trên, môn học *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* được giảng dạy trong nhà trường nhằm mục đích giới thiệu cho thế hệ sinh viên - thanh niên biết về gia tài văn hóa của dân tộc, từ đó có ý thức tiếp tục giữ gìn, phát huy và xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến,

đậm đà bản sắc dân tộc. Với nội dung phong phú, đề cập đến mọi lĩnh vực của văn hóa đất nước, từ văn hóa vật chất đến văn hóa tinh thần, đây là môn học đòi hỏi tích hợp trong nó nhiều tư liệu minh họa bằng âm thanh, màu sắc và hình ảnh động. Với sự trợ giúp của công nghệ thông tin, việc đưa những tư liệu này vào minh họa cho bài giảng không còn là vấn đề quá khó. Công nghệ thông tin cho phép giới thiệu những biểu hiện văn hóa một cách trực quan sinh động, đưa sinh viên đi vào cuộc sống văn hóa một cách tự nhiên, thoải mái, đầy hấp dẫn với kho dữ liệu phong phú, đa dạng của văn hóa nhờ công nghệ thông tin tích hợp và lưu giữ trong nhiều kênh. Sinh viên có thể sống trong môi trường cộng sinh văn hóa (nhiều nền văn hóa), nhất là đối với văn hóa Việt Nam, một nền văn hóa nằm ở ngã tư đường, có sự tiếp xúc lâu dài với các nền văn hóa trong khu vực, phương Đông và phương Tây. Đây cũng chính là một tiền đề quan trọng cho phép giáo viên và sinh viên có thể tiến hành đổi mới đồng thời cả hai phương pháp dạy và học. Việc tìm kiếm tư liệu minh họa cho sinh viên giúp cho bài giảng của giáo viên sâu hơn, cuốn hút hơn; còn đối với sinh viên, bên cạnh những minh họa do giáo viên cung cấp, họ hoàn toàn có thể chủ động tìm kiếm thêm các nguồn tư liệu có liên quan khác phục vụ cho phần bài tập hoặc làm chuyên đề theo yêu cầu của giáo viên...

Một đặc điểm cuối cùng, với tên gọi *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, môn học chỉ làm nhiệm vụ cung cấp những kiến thức cơ sở nhất về nền văn hóa lâu đời của dân tộc. Điều này cũng có nghĩa là kiến thức về môn học trên thực tế là bao la, không bờ bến, nên nếu không cẩn trọng, giảng viên và sinh viên dễ bị “sa đà”. Vì thế, khi giảng dạy môn học này, cần phải coi việc gọi mở những hiểu biết và cảm nhận sẵn có về văn hóa dân tộc trong mỗi con người, trong mỗi sinh viên mới là điều quan trọng nhất, chứ không phải là sự áp đặt một cách có hệ thống những quan điểm, những suy nghĩ của người giáo viên. Có như vậy, mới thực sự thực hiện được mục tiêu “nâng cao tính chủ động sáng tạo của người học” mà hệ thống đào tạo theo học chế tín chỉ đã đề ra.

1.3. Tiểu kết

Để đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo học chế tín chỉ, việc đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập đối với từng môn học cụ thể là vô cùng cần thiết. Tuy nhiên, việc đổi mới đó không phải được tiến hành một cách tùy tiện hay nóng vội mà cần phải có sự định hướng lâu dài. Khi tiến hành đổi mới phương pháp giảng dạy, giáo viên cần phải căn cứ vào nhiều yếu tố để tìm ra sự thay đổi phù hợp như: mục đích đào tạo của trường, chương trình đào tạo, điều kiện cơ sở vật chất, đặc thù của môn học, đặc điểm tâm lý sinh viên, các chuyên ngành đào tạo...

Với môn học nặng về lý thuyết như môn học *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, không thể áp dụng phương pháp như đối với những môn học chuyên về thực hành, thí nghiệm... Mặt khác, tiến hành đổi mới phương pháp giảng dạy cũng cần phải linh hoạt, không nên máy móc áp dụng một phương pháp hay một mô hình bài giảng mà phải có sự kết hợp nhiều phương pháp khác nhau trong cùng một buổi lên lớp, thậm chí là trong một tiết giảng để buổi học không rơi vào sự nhàm chán. Ngoài ra, cũng phải căn cứ vào tình hình thực tiễn của lớp học, đặc điểm của sinh viên lớp đó (lớp đông hay lớp ít, thời khóa biểu, cơ sở vật chất...) để có những thay đổi cho phù hợp. Trước khi đi sâu vào việc đề xuất những phương pháp giảng dạy mới môn học *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* tại trường Đại học Dân lập Hải Phòng, chúng ta cần khảo sát qua thực trạng dạy và học môn học này tại trường trước và khi bắt đầu việc thực hiện hệ đào tạo theo tín chỉ.

CHƯƠNG 2:

ÁP DỤNG MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY MỚI ĐỐI VỚI MÔN HỌC CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM - KẾT QUẢ VÀ ĐÁNH GIÁ

2.1. Phân tích thực trạng công tác giảng dạy và học tập môn học Cơ sở Văn hóa Việt Nam tại trường ĐHDLP trước và khi bắt đầu Đổi mới

2.1.1. Về đề cương môn học:

Trường Đại học Dân lập Hải Phòng trước đây có 6 ngành đưa môn học *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* vào trong chương trình đào tạo. Đó là các ngành Văn hóa du lịch, ngành Tiếng Anh, ngành Tiếng Trung, ngành Kế toán kiểm toán, ngành Quản trị doanh nghiệp và ngành Quản trị du lịch văn phòng. Từ năm học 2007-2008, ngành Kế toán kiểm toán và ngành Quản trị doanh nghiệp chỉnh sửa nội dung chương trình đào tạo và đã bỏ môn học này ra khỏi chương trình. Đồng thời, từ khóa 11, nhà trường tạm dừng đào tạo đối với ngành Quản trị du lịch văn phòng. Vì vậy, bây giờ chỉ còn các ngành Văn hóa du lịch, Tiếng Anh và Tiếng Trung là tiếp tục giảng dạy *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*. Thời gian đầu, do chưa có đủ giáo viên cơ hữu đảm nhận môn học này nên nhà trường đã mời một số giáo viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy. Thời gian tiếp theo đó là sự kết hợp giảng dạy giữa giáo viên cơ hữu của nhà trường với các giáo viên thỉnh giảng vì số lượng lớp học khá nhiều và đều học vào học kỳ đầu tiên của năm thứ nhất. Từ năm học 2006-2007, với 2 giáo viên cơ hữu, dần dần đã có thể đảm nhận hoàn toàn công tác giảng dạy môn học này trong trường.

Đề cương môn học đầu tiên do các giáo viên thỉnh giảng biên soạn và chủ yếu giảng dạy theo giáo trình của GS.VS. Trần Ngọc Thêm. Với thời lượng 45 tiết, đề cương chủ yếu đi sâu vào các phần Văn hóa nhận thức và

Văn hóa tổ chức đời sống tập thể, Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội. Những kiến thức sinh viên được học, được ghi và thi không nằm ngoài nội dung của giáo trình chính. Số lượng câu hỏi ôn tập cũng hạn chế (18 câu), chưa bao quát toàn bộ nội dung của chương trình. Từ năm học 2006-2007, theo yêu cầu của nhà trường và cũng là nằm trong mục tiêu và tiến trình chuyển đổi từ đào tạo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ, Bộ môn Văn hóa du lịch (Bộ môn phụ trách môn học) tiến hành rà soát và chỉnh sửa lại đề cương chi tiết. Đề cương mới này vẫn có thời lượng là 45 tiết nhưng sự phân bổ giữa các nội dung đã đồng đều hơn, một số phần trước đây chưa được chú trọng như Không gian văn hóa Việt Nam (Vùng văn hóa), Tiến trình văn hóa Việt Nam... được tăng số tiết, một số phần khác giảm số tiết nhưng vẫn đảm bảo được nội dung kiến thức cần truyền tải. Mặt khác, trong nội dung giảng dạy, các giáo viên cũng đã chú trọng kết hợp giáo trình của miền Nam (của GS.VS. Trần Ngọc Thêm) với giáo trình được giảng dạy ở một số trường trọng điểm của miền Bắc (giáo trình do GS. Trần Quốc Vương chủ biên). Đồng thời số lượng câu hỏi cũng nhiều hơn và dàn đều hơn, không tập trung vào một số vấn đề chính như trước đây, đòi hỏi sinh viên phải nỗ lực học tập nhiều hơn.

Trước khi năm học 2008-2009 bắt đầu, theo yêu cầu của phòng Đào tạo, Bộ môn Văn hóa du lịch tiến hành chỉnh sửa và xây dựng lại đề cương một lần nữa nhằm phục vụ cho đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Từ 3 đơn vị học trình, đề cương mới tương đương với 2 đơn vị tín chỉ. Điều đáng lưu ý là nếu đề cương trước đây chỉ thuần túy là lý thuyết (thực tế trong quá trình học, cũng có giáo viên kết hợp cho sinh viên làm bài tập hoặc thực hành nhưng chưa thành qui định chung) thì đề cương mới đã có sự phân định rất rõ ràng giữa thời lượng của lý thuyết (70%) và thực hành (30%). Điều này buộc giáo viên phải thay đổi phương pháp giảng dạy đã theo lối mòn, chủ động điều tiết nhiều hoạt động khác nhau trong một tiết học hơn; đồng thời đề cương mới cũng yêu cầu

sinh viên phải làm việc nhiều hơn, tích cực hơn để có thể làm chủ được kiến thức từ nhiều nguồn, nhiều kênh thông tin khác ngoài giáo viên. Học kỳ 1 năm học vừa rồi, đề cương tín chỉ đã được áp dụng giảng dạy cho ngành Văn hóa du lịch khóa 12 và Cao đẳng du lịch khóa 5, và bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định. Cùng với ngân hàng câu hỏi cũng được áp dụng trong học kỳ đó, việc học của sinh viên không còn giới hạn trong một số câu hỏi như trước mà đã bao quát toàn bộ nội dung của chương trình học.

2.1.2. Về phương pháp giảng dạy:

Trước khi tiến hành đổi mới phương pháp giảng dạy theo yêu cầu của hệ thống tín chỉ, phương pháp chủ yếu được các giáo viên áp dụng đó là thuyết giảng (giảng lý thuyết) theo cách thức truyền thống *Thầy giảng Trò ghi*. Môn học *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* vốn là một môn học nặng về lý thuyết, nên lượng kiến thức sinh viên phải làm quen, phải ghi và phải học khá nhiều. Theo thông lệ trước đây, để phục vụ mục đích thi cử, nên những gì sinh viên được ghi thường không nằm ngoài nội dung ôn tập và giáo trình chính. Điều này dẫn đến một hệ quả là nếu giảng viên nào không có kiến thức sâu rộng, phong cách giảng dạy không hấp dẫn, thái độ giảng dạy không nhiệt tình dễ dẫn đến việc sinh viên không cần nghe thầy giảng mà quay ra nói chuyện riêng bởi họ cho rằng đến khi thi chỉ cần xem sách giáo khoa là đủ. Hơn nữa với sinh viên, khi bước chân vào giảng đường đại học, họ thường kỳ vọng sẽ không phải tiếp tục lối học kiểu “từ chương trích cú” như những năm học phổ thông. Họ đã có những nhận thức riêng, có khả năng nhìn nhận vấn đề theo quan điểm riêng. Cách nhìn nhận đó có thể đúng, có thể sai nhưng nếu trình độ và tư cách của giảng viên không thuyết phục được họ thì sẽ gây nhiều khó khăn cho việc tiếp cận giữa thầy và trò, nhất là khi áp dụng phương pháp giảng dạy cũ chỉ có thầy “độc thoại” là chính. Đã có nhiều giảng viên, để khắc phục sự khô cứng trong phương pháp truyền thụ, đã tìm cách nâng cao kiến thức, suu tầm nhiều

câu chuyện, bài học lý thú bên ngoài nhằm làm cho giờ học hấp dẫn hơn, sinh động hơn. Gần đây, với sự phát triển của công nghệ thông tin, nhiều thầy cô đã đưa bài giảng lên máy tính với nhiều nội dung và hình ảnh phong phú hơn. Song những nỗ lực ấy vẫn là chưa đủ, bởi căn cứ vào nhu cầu đào tạo của xã hội và mong muốn của chính bản thân sinh viên, họ muốn được tự mình làm chủ kiến thức nhiều hơn, thậm chí là được tham gia vào quá trình giảng dạy - học tập cùng các thầy cô hoặc dưới sự định hướng và giúp đỡ của thầy cô. Việc trường Đại học Dân lập Hải Phòng quyết định chuyển hệ thống đào tạo từ niên chế sang tín chỉ đã mở ra cho các giáo viên những thách thức mới về việc phải đổi mới phương pháp giảng dạy, nhưng cũng giúp cho cả giáo viên và sinh viên có cơ hội được hoàn thiện chuyên môn và nhiệm vụ giảng dạy - học tập của mình.

2.1.3. Về đặc điểm của sinh viên ngành Văn hóa du lịch và Ngoại ngữ:

Việc tìm hiểu và phân tích đặc thù của sinh viên đối với môn học mà mình giảng dạy là rất quan trọng, bởi cùng là một môn học, cùng một người dạy nhưng đối tượng học tập khác nhau sẽ cho kết quả khác nhau. Để quá trình giảng dạy đạt kết quả tốt, cần nắm bắt được đặc điểm tâm lý của sinh viên cũng như nhu cầu của họ để áp dụng phương pháp giảng dạy cho phù hợp. Xuất phát từ yêu cầu đó, qua quá trình giảng dạy và đúc kết kinh nghiệm, chúng tôi nhận thấy sinh viên ngành Văn hóa du lịch và sinh viên ngành Ngoại ngữ có những đặc thù khá khác nhau. Cụ thể là:

Đầu vào của sinh viên ngành Văn hóa du lịch là hai khối C và D, trong đó những sinh viên thi khối C chiếm số lượng đông. Với việc đã được làm quen với những môn học đòi hỏi sự ghi nhớ kiến thức và học thuộc nhiều như Văn, Sử, Địa trước đây thì việc phải làm quen với khối lượng kiến thức phong phú của môn *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* đối với những sinh viên này không quá khó. Họ không ngại ghi bài, không ngại học thuộc nhiều hay nói cách khác là

họ thường rất chăm chỉ. Đây là một điểm mạnh giáo viên cần phát huy ở họ, chẳng hạn như ngoài việc cung cấp kiến thức trên lớp có thể yêu cầu sinh viên tìm hiểu thêm từ các kênh thông tin khác... Tuy nhiên cũng phải lưu ý, học đại học không giống như học phổ thông, không nên dạy họ học thuộc lòng, “học vẹt” mà điều quan trọng là phải dạy sinh viên phương pháp tư duy để tự mình nhìn nhận ra vấn đề. Nếu như đây là điểm mạnh của sinh viên Văn hóa du lịch thì lại là điểm yếu của sinh viên Ngoại ngữ. Đầu vào của họ là khối D (Toán, Văn, Anh), do đó khi gặp một môn học có dung lượng kiến thức lớn, họ thường rất ngại. Về mặt tư duy, họ thích những môn học có sự chính xác, rõ ràng, dễ hiểu hơn là một môn học còn nhiều vấn đề khá mơ hồ như trong lĩnh vực Văn hóa. Mặc dù vậy, do học khối D nên sinh viên Ngoại ngữ tỏ ra khá năng động và sôi nổi. Trong khi sinh viên Văn hóa du lịch thường có xu hướng khép mình, ngại thể hiện thì sinh viên Ngoại ngữ luôn sẵn sàng giơ tay phát biểu ý kiến khi được giáo viên hỏi. Có thể phát huy tinh thần này của họ trong những giờ học thảo luận để tạo không khí cuốn hút hơn cho môn học. Có một điều nữa là mặc dù cùng được đào tạo Tin học trong nhà trường, nhưng sinh viên Ngoại ngữ có phần nắm bắt thông tin và cập nhật công nghệ nhanh hơn sinh viên Văn hóa du lịch (đây chỉ là cảm nhận chung của giáo viên vì trên thực tế trong mỗi lớp cũng có người giỏi, người kém tùy thuộc vào khả năng và hoàn cảnh). Do đó khi giáo viên yêu cầu làm bài tập (tìm hiểu về một vấn đề hay một giá trị văn hóa nào đó), họ thường thực hiện rất nhanh, hình thức thể hiện cũng rất đa dạng và sáng tạo. Nếu nắm bắt được đặc điểm này, giáo viên có thể áp dụng nhiều phương pháp để khuyến khích sinh viên Ngoại ngữ phát huy, đồng thời giúp sinh viên Văn hóa du lịch khắc phục điểm yếu của họ để cả hai đối tượng sinh viên này đều đạt được kết quả học tập như mong muốn (chẳng hạn ra yêu cầu cao hơn với sinh viên Ngoại ngữ; hướng dẫn cách làm bài chi tiết hoặc đưa ra bài mẫu với sinh viên Văn hóa du lịch, cộng điểm cho những bài làm tốt...).

Sự khác biệt tiếp theo là quan niệm của sinh viên hai ngành về môn học này rất khác nhau. Đối với sinh viên Văn hóa du lịch, mặc dù môn học này được giảng dạy ngay từ học kỳ 1 của năm thứ nhất, nằm trong phần Giáo dục đại cương, nhưng hầu hết sinh viên đều ý thức đây là môn học cung cấp những kiến thức nền tảng về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, rất cần thiết cho quá trình tác nghiệp của họ sau này. Thực tế đã chứng minh, dù làm trong lĩnh vực khách sạn hay lễ hành, những kiến thức văn hóa đã học được đều đã giúp cho sinh viên sau khi ra trường có thể tự tin giới thiệu cho du khách cả trong và ngoài nước về một nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc. Hoặc đối với những sinh viên làm trong lĩnh vực văn hóa, những kiến thức đó chính là bước đệm để họ ngày càng hoàn thiện năng lực chuyên môn. Chính vì ý thức được tầm quan trọng của môn học, nên phần lớn sinh viên đều có ý thức tự giác học tập, thậm chí có sinh viên còn nỗ lực tự mình học hỏi thêm. Trong khi đó, trong quan niệm của sinh viên Ngoại ngữ, đây chỉ là một môn học phụ, có cũng được, không có cũng được. Một số sinh viên cho rằng, học môn này cũng khá hay, giúp họ có thêm hiểu biết; nhưng cũng có một số lại cho rằng môn học này hoàn toàn không cần thiết, nên đưa ra khỏi chương trình học⁴. Thực ra đây là một nhận thức rất sai lầm của sinh viên Ngoại ngữ, họ cho rằng chỉ có những môn học liên quan đến ngôn ngữ mà họ đang học mới là cần thiết. Xét về công việc tương lai, họ có cơ hội tiếp xúc nhiều hơn với người nước ngoài so với sinh viên Văn hóa du lịch (chủ yếu giao tiếp với khách nội địa). Trong quá trình tiếp xúc đó, nếu không hiểu biết về văn hóa của dân tộc mình quả là một điều đáng xấu hổ, đó là chưa tính đến khả năng nếu như có thể giới thiệu cho khách quốc tế hiểu biết thêm về văn hóa dân tộc sẽ giúp cho mối quan hệ của bản thân được tốt đẹp hơn, gần gũi hơn, kéo theo đó hiệu quả công việc đạt được cũng cao hơn. Ngoài ra, nhiều sinh viên Ngoại ngữ sau khi ra trường đã đi theo con đường trở thành một hướng dẫn viên du lịch, không

⁴ Tập hợp lại ý kiến sinh viên từ phiếu điều tra khảo sát môn học trước khi áp dụng đổi mới phương pháp

được đào tạo bài bản, lúc này nhiều người mới nhận thức được rằng chính những kiến thức học được từ môn *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* đã góp phần giúp họ tác nghiệp thành công. Do đó, người giáo viên khi giảng dạy môn học này cần làm cho sinh viên hiểu biết rõ hơn về yêu cầu và mục đích của môn học, từ đó họ sẽ quyết định mức độ đầu tư thời gian và công sức đối với môn học này như thế nào tùy theo định hướng nghề nghiệp của họ.

2.2. Áp dụng một số phương pháp giảng dạy mới - Kết quả và đánh giá

Khi tiến hành làm đề tài nghiên cứu khoa học, chúng tôi đã tìm hiểu và dự kiến áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy mới đối với môn học *Cơ sở Văn hóa Việt Nam*, nhưng do những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể (thời khóa biểu, phòng học, trang thiết bị...) nên khi giảng dạy khóa 12 và Cao đẳng khóa 5 ngành Văn hóa du lịch, chúng tôi bước đầu mới áp dụng thử nghiệm được một số phương pháp nhất định. Sau đây, chúng tôi sẽ trình bày các bước tiến hành đổi mới các phương pháp đó, phân tích những mặt được và chưa được, đồng thời đề xuất các biện pháp khắc phục và giải quyết để có thể ứng dụng thành công hơn đối với các khóa học sau.

2.2.1. Làm việc nhóm:

2.2.2.1. Nội dung và cách thức triển khai:

Trong quá trình triển khai môn học theo tín chỉ, giờ làm việc nhóm được sử dụng như một hình thức tổ chức dạy học nhằm rèn luyện và phát triển kỹ năng làm việc hợp tác, tư duy tích cực, tinh thần trách nhiệm của sinh viên, khắc phục những nhược điểm trong kiểu dạy học tổng lực, toàn lớp (Total learning) và dạy học cá nhân (Individual learning).

- Đặc điểm: Lớp học được chia thành các nhóm học tập với số lượng sinh viên hợp lý trong mỗi nhóm; nội dung, nhiệm vụ học tập được chia thành các vấn đề giao cho các nhóm thực hiện. Tùy thuộc vào mục tiêu và nội dung

môn học, các nhóm có thể nhận cùng hoặc các nhiệm vụ khác nhau và làm việc dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo của giảng viên. Sau đó, các kết quả làm việc nhóm được trình bày công khai, chia sẻ với các nhóm khác trong lớp.

Trong giờ làm việc nhóm, giảng viên đóng vai trò là người hướng dẫn, hỗ trợ, điều khiển, giám sát và quản lý⁵.

Chúng tôi đã áp dụng phương pháp này đối với khóa 12 và Cao đẳng khóa 5 ngành Văn hóa du lịch vào học kỳ 1 năm học 2008-2009, và đã tiến hành qua các bước sau:

- Bước 1: Giao vấn đề

Giảng viên tiến hành chia nhóm, sau đó lựa chọn và giao các nội dung, các vấn đề, công việc, các yêu cầu liên quan cho các nhóm sinh viên thực hiện, giới thiệu nguồn tài liệu tham khảo tối thiểu, thông báo thời gian nộp báo cáo và thời gian nhận thông tin phản hồi từ phía giảng viên.

Trong chương trình học, khi giảng dạy đến Chương 4 - Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân (tương ứng với các tiết học thứ 25-26 và 30), ở buổi học trước đó, chúng tôi đã giao cho các nhóm một số vấn đề nghiên cứu như:

- Phong tục tang ma cổ truyền của người Việt.
- Phong tục hôn nhân xưa và nay.
- Lễ tết và Lễ hội cổ truyền.
- Tìm hiểu về một loại hình nghệ thuật truyền thống (sân khấu, âm nhạc, mỹ thuật).

Do sĩ số lớp quá đông (94 sinh viên), nên số lượng nhóm cũng nhiều vì vậy nội dung nghiên cứu được chia đều cho nhiều nhóm, cùng một vấn đề có

⁵ Dẫn lại theo TS. Tôn Quang Cường, CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG ĐÀO TẠO THEO TÍN CHỈ.

từ 2 - 3 nhóm cùng thực hiện. Điều này khiến các nhóm phải nỗ lực hết sức để thể hiện năng lực của nhóm mình nhằm đạt được kết quả cao nhất.

- **Bước 2: Các nhóm nhận nhiệm vụ và tiến hành giải quyết vấn đề**

Để đảm bảo không khí làm việc hòa thuận, chúng tôi để cho mỗi nhóm tự lựa chọn Nhóm trưởng, sau đó yêu cầu Nhóm trưởng lên kế hoạch phân công (bằng văn bản) cho từng thành viên với nhiệm vụ, thời gian hoàn thành, nguồn tài liệu tham khảo, lịch họp nhóm theo kế hoạch. Sau đó, nhóm trưởng lập báo cáo ghi lại công việc và thái độ của các thành viên, thông qua toàn nhóm trước khi nộp cho giảng viên cùng với nội dung vấn đề nghiên cứu.

- **Bước 3: Đánh giá kết quả làm việc nhóm**

Để đảm bảo sự công bằng, chúng tôi thực hiện các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả làm việc của nhóm theo hướng công khai, minh bạch trước lớp. Cụ thể là, với mỗi một vấn đề đã được giao, chúng tôi chỉ định một nhóm bất kỳ lên trình bày. Để các em thoải mái và tự tin, chúng tôi yêu cầu kê bàn phía trên bục giảng để các em quay xuống đối diện với các bạn sinh viên còn lại trong lớp. Sau đó, chúng tôi yêu cầu một bạn sinh viên trong lớp chỉ định ngẫu nhiên một bạn nào đó trong nhóm thay mặt nhóm để thuyết trình. Làm như vậy để hạn chế việc ỷ lại của sinh viên vào các thành viên còn lại trong nhóm. Nếu một sinh viên tích cực tham gia vào quá trình chuẩn bị và thực hiện công việc chung của nhóm, sinh viên đó không thể không nắm bắt được vấn đề và thay mặt nhóm trình bày lại vấn đề đó.

Khi cảm thấy sinh viên đang trình bày tỏ ra hiểu và nắm rõ vấn đề, chúng tôi thường đề nghị sinh viên đó dừng lại để nhường quyền thuyết trình lại cho một bạn khác. Hoặc cũng có khi, sinh viên đang trình bày đó không đủ tự tin để giới thiệu vấn đề mạch lạc, chúng tôi cho phép các thành viên còn lại trong nhóm được thay mặt bạn để trình bày tiếp. Làm như vậy, một mặt đảm

bảo tất cả các thành viên trong nhóm đều phải làm việc và đều có cơ hội rèn luyện kỹ năng thuyết trình trước đám đông, mặt khác không làm ảnh hưởng đến kết quả chung của cả nhóm.

Sau khi nhóm trình bày xong, chúng tôi yêu cầu các bạn sinh viên còn lại trong lớp đặt câu hỏi chất vấn để kiểm tra kiến thức của nhóm sinh viên, cũng thông qua đó để đánh giá khả năng bảo vệ quan điểm của các em. Nếu câu hỏi chưa đủ hoặc nhóm không trả lời được, giáo viên sẽ hỏi thêm để tạo điều kiện cho các em lấy điểm cao. Giáo viên cũng sẽ là người xác nhận độ chính xác của câu trả lời hoặc giải đáp bổ sung. Sau khi nhóm sinh viên trả lời xong, dựa vào kết quả trình bày của các em trên lớp, kết hợp với bản báo cáo công việc của Nhóm trưởng, chúng tôi tiến hành cho điểm công khai đối với từng sinh viên trong nhóm.

2.2.1.2. Những kinh nghiệm thu được khi triển khai phương pháp Làm việc nhóm:

+ **Chia nhóm:** Để triển khai phương pháp này một cách hiệu quả, việc đầu tiên cần làm là phải tiến hành chia nhóm. Thực tế cho thấy nên chia nhóm học tập ngay từ tuần đầu tiên, duy trì nhóm học tập trong suốt quá trình triển khai môn học nhằm tăng hiệu quả làm việc.

Có nhiều tiêu chí để lập thành một nhóm: chia theo vị trí chỗ ngồi, chia theo nguyện vọng, chia theo danh sách lớp, chia theo năng lực học tập... Nhưng do lớp học mà chúng tôi đảm nhận được ghép từ hai lớp với tổng số là 94, các em ngồi chưa theo sơ đồ, hơn nữa vì là đầu năm học mới nên hầu hết chưa có dịp làm quen và hiểu rõ về nhau nên không thể áp dụng cách thức chia nhóm dựa trên cơ sở tự nguyện hay tương đồng về trình độ, sở thích... Cách chia theo danh sách lớp theo vần Alphabe cũng không ổn vì các em ngồi tương đối lộn xộn, không theo lớp, không theo vần. Do đó, chúng tôi đã chủ động chia theo vị trí ngồi, cứ hai bàn (4-6 em) làm thành một nhóm. Cách chia

này có một điểm tốt là không phân biệt trình độ Đại học và Cao đẳng, yêu cầu các thành viên của nhóm phải cùng làm việc, cùng hợp tác, không được gây chia rẽ, mất đoàn kết, nếu không sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc chung của cả nhóm. Tuy nhiên, cách chia này cũng có thể dẫn đến hiện tượng là trình độ của các thành viên trong nhóm chênh lệch, nhưng nếu giáo viên biết cách khuyến khích sinh viên cạnh tranh lành mạnh và cho điểm một cách công bằng tương xứng với khả năng cũng như đóng góp của từng thành viên thì vẫn đảm bảo được hiệu quả làm việc của các nhóm.

Để có được một khoảng thời gian thuyết trình ngắn ngủi trên lớp, các thành viên trong nhóm phải có thời gian làm việc khá nhiều với nhau ở nhà. Thời gian làm việc chung đó giúp các em có cơ hội gần gũi và hiểu biết về nhau hơn, đồng thời phải gạt bỏ cái tôi cá nhân vì lợi ích chung của tập thể. Các em phải học cách hợp tác với nhau mà điều quan trọng nhất để hợp tác thành công là phải học cách lắng nghe và trân trọng ý kiến của người khác, hoặc học cách phản biện quan điểm của người khác mà không để xảy ra xung đột, hiểu lầm. Bên cạnh đó, nếu thực sự cầu tiến, mỗi cá nhân sẽ học hỏi được nhiều điều từ những cá nhân khác, từ năng lực tư duy, phương pháp làm việc cho đến việc thu nhận và xử lý kiến thức... Những điều này sẽ rất có ích cho các em sau khi ra trường mà phải công tác trong những môi trường làm việc phức tạp, nhiều áp lực.

+ Tính ý lại và cào bằng của sinh viên:

Có một vấn đề phát sinh khi các em cùng làm việc nhóm với nhau ở nhà, đó là không phải sinh viên nào cũng thích cách làm việc này hoặc nhận thức được giá trị của phương pháp Làm việc nhóm. Vì thế, trong khi các bạn tập trung làm việc thì những sinh viên này thường không làm gì, thậm chí còn tìm cách gây rối. Sau khi phân việc xong, có người làm, người không làm hoặc làm đối phó. Không có tiêu chuẩn nào để đánh giá được thành viên, nên

các sinh viên lười càng ỷ lại, không chịu làm mà vẫn đòi quyền lợi. Mặc dù giáo viên đã yêu cầu Nhóm trưởng ghi báo cáo, nhưng sinh viên vốn có tính cả nể nên rất có thể lập báo cáo không trung thực, báo cáo thường xếp loại thành viên theo kiểu bình quân chủ nghĩa có lợi cho những sinh viên chây lười. Điều này khiến cho việc đánh giá của giáo viên dễ bị trở nên cào bằng, không chính xác.

→ **Biện pháp giải quyết:** Ngoài cách giải quyết như đã nói ở trên (yêu cầu lần lượt từng thành viên thuyết trình, đặt câu hỏi cho từng thành viên), giáo viên nên đưa ra các tiêu chuẩn cụ thể để sinh viên đánh giá lẫn nhau như: *có nhiều đóng góp; có đóng góp nhưng không nhiệt tình; ít đóng góp và không đóng góp*. Giáo viên sẽ kiểm định lại phần đánh giá đó có trung thực không thông qua sự thể hiện của từng thành viên trên lớp.

Một biện pháp nữa cũng có thể thực hiện là nếu có điều kiện, sinh viên có thể quay lại video clip của nhóm đã thảo luận ở nhà, mang đến lớp trình chiếu và chỉ việc chờ nghe câu hỏi và đánh giá. Biện pháp này hơi khó thực thi vì thiếu phương tiện nhưng nếu làm được thì vừa đảm bảo được sự khách quan trung thực khi làm việc nhóm ở nhà, vừa tiết kiệm được thời gian trình bày dông dài trên lớp. Hơn nữa, khi đã quay clip, thường thì sinh viên sẽ có ý thức chuẩn bị công phu và nghiêm túc hơn.

+ Đặt câu hỏi chất vấn:

Đối với giờ làm việc nhóm, phần chất vấn của các bạn sinh viên đối với nhóm trình bày có lẽ là thời gian sôi nổi và hào hứng nhất. Đã có nhiều câu hỏi được các thành viên trong lớp đưa ra, trong đó có cả những câu hỏi mang tính thách đố nhưng cũng không thiếu những câu hỏi hay và thú vị. Chẳng hạn như có nhóm sinh viên khi trình bày về đề tài “Phong tục hôn nhân xưa và nay” đã nhận được rất nhiều câu hỏi như: “Vi sao không cho phép mẹ đẻ đưa

con gái về nhà chồng?”, “Vì sao, trước khi con gái về nhà chồng thường được mẹ đẻ giao cho 9 cái kim?”, “Vì sao khi con dâu về nhà chồng, mẹ chồng thường ôm bình vôi trôn sang nhà hàng xóm”... Hay trong đề tài về “Phong tục tang ma cổ truyền”, đã có một bạn sinh viên đưa ra một câu hỏi rất khó là yêu cầu giải thích về “hiện tượng quỷ nhập tràng”? Không phải câu hỏi nào nhóm đang thuyết trình cũng trả lời được. Khi đó, chúng tôi đã tạo cơ hội cho các sinh viên còn lại trong lớp trả lời thay, nếu là câu hỏi khó thường sẽ cộng điểm cho sinh viên đó. Nhưng cũng có khi cả người đưa câu hỏi, người bị đặt câu hỏi và tập thể lớp đều không trả lời được, khi đó giáo viên phải đứng ra trả lời. Những câu hỏi này đã góp phần mở rộng kiến thức cho cả giáo viên và sinh viên, đồng thời cũng đòi hỏi giáo viên phải luôn luôn nỗ lực hoàn thiện kiến thức để điều khiển được giờ học một cách thành công. Ngoài ra, đối với những câu hỏi không ăn nhập đến nội dung môn học hoặc mang tính thách đố, giáo viên đã phải đóng vai trò chủ động gạt bỏ để không làm ảnh hưởng đến thời gian và không khí học tập chung của cả lớp.

+ Kiến thức:

Không phải loại kiến thức nào sinh viên cũng tự nghiên cứu được, nhiều vấn đề cần thầy cô giảng dạy nhưng khi học tín chỉ số kiến thức được giảng trên lớp thấy ít hơn đi rất nhiều, khi thảo luận thì cũng không hỏi được hết những vấn đề cần hỏi dẫn đến tình trạng thiếu hụt về kiến thức, đến lúc thi cuối kỳ sinh viên rất mệt mỏi vì bị tích tụ kiến thức để ôn. Ngoài ra, cũng có những sinh viên do khả năng hạn chế nên không kịp thời nắm bắt vấn đề trên lớp nhưng lại e ngại không dám hỏi bạn bè hoặc trực tiếp hỏi thầy cô trước cả lớp, hậu quả là nảy sinh tâm lý chán học hoặc điểm kiểm tra, đánh giá không tốt, ảnh hưởng đến kết quả học tập chung.

→ **Biện pháp:** Cho phép sinh viên hỏi giáo viên ngoài giờ học, hỏi qua email, qua điện thoại... Giáo viên không nên có tâm lý chỉ cần đảm bảo thời lượng giảng dạy trên lớp mà phải luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ sinh viên, giải đáp những thắc mắc của họ, như vậy mới có thể khuyến khích sự tự tin, tinh thần tự giác và ham học hỏi của sinh viên.

+ Phương pháp truyền đạt:

Có nhiều nhóm sinh viên chuẩn bị nội dung thuyết trình rất công phu, nhưng do chưa có một phương pháp truyền đạt đến người nghe tốt khiến cho không khí buổi thảo luận trở nên ỉu, kết quả đánh giá bị kém. Với giờ thuyết trình, chúng tôi yêu cầu sinh viên phải nắm vững vấn đề và tự mình trình bày không được cầm tài liệu để đọc, nhưng hoặc do chuẩn bị không tốt hoặc do thời gian gấp không kịp ghi nhớ hoặc do thiếu tự tin mà một số thành viên trong nhóm không thể hiện được nội dung cần trình bày. Sau này, nhiều sinh viên đã than phiền với chúng tôi là chúng em đã làm việc hết sức vất vả mà kết quả lại không cao nên rất buồn.

Một vấn đề nữa là hầu hết các em chưa tìm ra phương pháp thuyết trình vừa mới mẻ vừa hấp dẫn để lôi cuốn sự chú ý của giáo viên và cả lớp. Phần lớn các em đều chuẩn bị bài báo cáo của mình ra giấy, sau đó học thuộc lòng rồi “nói chay”. Nếu bạn nào nói lí nhí hay đọc thuộc với giọng đều đều thì dễ khiến không khí lớp học trở nên nhàm chán. Trong quá trình cho sinh viên thực tập giờ làm việc nhóm, duy nhất có một lần tôi thấy có nhóm sinh viên tìm ra một phương thức truyền đạt khác. Đó là, khi giảng dạy đến chương 6 - “Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội”, phần *Phật giáo với văn hóa Việt Nam*, chúng tôi có ra cho sinh viên một bài tập nhỏ là các nhóm cùng nhau đi đến một ngôi chùa, tìm hiểu về lịch sử hình thành, giá trị văn hóa, đặc điểm kiến trúc... của ngôi chùa đó, sau đó về viết báo cáo và trình bày trước lớp.

Khác với nhiều nhóm, nhóm sinh viên do bạn Đặng Văn Dương làm Nhóm trưởng đã bỏ công sưu tầm các bản vẽ thiết kế về kiến trúc của ngôi chùa, giới thiệu từng pho tượng, từng đầu đao, từng hình ảnh chạm khắc.... Bài thuyết trình của nhóm sinh viên đó đã đón nhận được sự quan tâm của tất cả các thành viên trong lớp.

→ **Biện pháp:** Theo chúng tôi, việc thuyết trình là quan trọng vì nó biểu hiện kết quả cuối cùng của quá trình làm việc nhóm nhưng không nên quá căn cứ vào đó để cho điểm sinh viên. Phải đánh giá bằng nhiều kênh, nhiều câu hỏi, và tìm mọi cách để khuyến khích sinh viên tự tin bộc lộ. Điều quan trọng là cần phải tạo cho sinh viên tâm lý: "không có ý kiến sai, không có câu trả lời sai, mỗi ý kiến có khác giáo viên cũng được nhìn nhận là một cách nhìn mới, một quan điểm cá nhân". Có được điều này, sinh viên sẽ tự tin hơn khi phát biểu bởi, mỗi người đều được sinh ra trong mỗi gia đình với lối sống khác nhau; trong một môi trường văn hóa khác nhau thì khó có thể cùng có một cái nhìn nhất quán về một sự việc, hiện tượng, đặc biệt là những hiện tượng và giá trị thuộc phạm trù văn hóa.

Ngoài ra, nếu có thời gian, nên cho sinh viên chơi một trò chơi nhỏ để rèn luyện phương pháp truyền tin và học cách lắng nghe. Trò chơi có thể tiến hành theo 2 cách. Cách thứ nhất: 4 sinh viên được mời lên trước lớp, từng người bị bịt mắt lại và được phát cho 1 tờ giấy giống nhau. Sau đó cả 4 người cùng xé giấy theo hướng dẫn của cô giáo. Thường thì kết quả sẽ là, mỗi người xé tờ giấy thành một sản phẩm khác nhau. Điều đó chứng tỏ, cùng một thông điệp, nhưng mỗi người nghe và hiểu theo một cách khác nhau. Hơn nữa, nếu chỉ nghe mà không được trao đổi lại thì có thể dẫn đến hiểu lầm.

Hay một bài tập khác là “truyền tin”. 15 thành viên trong 1 nhóm sẽ lần lượt truyền 1 thông điệp cho nhau, từ người đầu tiên cho tới người cuối cùng.

Có một điều chắc chắn là thông điệp ban đầu rất dài nhưng khi truyền tới người cuối cùng thì thường rất ngắn, thậm chí có trường hợp còn sai lạc nội dung. Những bài tập như vậy sẽ giúp cho sinh viên hiểu rằng nghe cũng là cả một nghệ thuật: nghe thế nào cho hiệu quả, để lĩnh hội được thông tin, thấu cảm với nghe thế nào để khơi gợi được cảm hứng của người nói là kỹ năng không dễ hình thành nhưng hoàn toàn có thể học được.

Nhưng theo chúng tôi, nếu có điều kiện nên đưa những bài tập dạng này vào môn học phát triển kỹ năng giao tiếp, coi đó là một môn học bắt buộc trong chương trình giáo dục đại cương của nhà trường và là tiền đề cho những môn học khác.

Bên cạnh đó, để giúp các em tìm ra nhiều cách thức truyền đạt đa dạng, nên khuyến khích các em sử dụng công cụ trực quan như vật dụng, tranh ảnh minh họa hoặc với sự hỗ trợ của phim ảnh, âm nhạc... Ngoài ra, mặc dù trước khi bước vào cổng trường đại học, sinh viên đã được học môn Tin học từ trường phổ thông, nhưng hầu hết các em đều chưa biết cách tìm kiếm tài liệu trên Internet - một kênh thông tin rất tiện ích và hiệu quả. Phần lớn các em chủ yếu tìm tư liệu từ sách báo tạp chí mà nguồn tư liệu này không phải lúc nào cũng có sẵn, lại tốn kém nên bài làm của các em không tránh khỏi sự đơn điệu, nghèo nàn. Vì thế, thiết nghĩ ngay từ đầu khi các em nhập học, nhà trường nên có một vài buổi học giới thiệu và hướng dẫn cho các em kỹ năng học tập tại trường đại học, bao gồm cả kỹ năng tìm tài liệu trên mạng, cách trình bày báo cáo bước đầu bằng phần mềm Powerpoint...

+ Thời gian dành cho các nhóm thuyết trình không đủ:

Theo yêu cầu của giáo viên, các nhóm đều chuẩn bị vấn đề thảo luận, nhưng do hạn hẹp về mặt thời gian nên không phải nhóm nào cũng được trình

bày. Với những vấn đề đã nêu ở trên thì những tiết học dành cho các nhóm tập thuyết trình không phải là ít. Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên, do được ghép từ hai lớp nên sĩ số của lớp học quá đông, nên vẫn còn khoảng 5 nhóm vẫn không có cơ hội được trình bày. Để tạo cơ hội cho các em, phục vụ mục đích lấy điểm, có thể thực hiện theo 2 cách. Cách thứ nhất là cho điểm nhóm qua bài làm mà không cần trình bày trên lớp như các bạn. Cách này không đảm bảo việc đánh giá được chuẩn xác và công bằng. Vì vậy, chúng tôi đã lựa chọn cách thứ hai là yêu cầu những sinh viên chưa có điểm cuối học kỳ làm bài kiểm tra bổ sung để lấy điểm. Trên thực tế, cách này cũng còn nhiều hạn chế như các em vẫn không có cơ hội thể hiện năng lực thuyết trình, phải nỗ lực hơn các bạn, và kết quả của bài kiểm tra lại là kết quả của nỗ lực làm việc cá nhân.

→ **Biện pháp:** Vì thế, theo chúng tôi, để đảm bảo sự công bằng cho các em, giáo viên nên áp dụng thống nhất chung một cách đánh giá, cho điểm. Nếu hôm nay chưa được trình bày, sẽ chuẩn bị vấn đề khác và trình bày trong buổi học sau, cốt sao đảm bảo tất cả các nhóm sinh viên đều được thể hiện. Nhưng để làm được điều đó, rất cần có sự hỗ trợ của nhà trường và phòng Đào tạo, cụ thể là không nên xếp một lớp học với sĩ số quá đông.

+ Mất trật tự trong thời gian thuyết trình:

Một vấn đề rất bức xúc nảy sinh trong quá trình sinh viên thực hiện giờ làm việc nhóm là trong khi một nhóm sinh viên thuyết trình trên lớp thì không khí chung của lớp học là rất ồn ào. Trừ một số chăm chú lắng nghe, phần còn lại “ai làm việc nấy”. Theo quan sát của chúng tôi, chỗ này, có nhóm thì thầm bàn bạc chuẩn bị cho bài báo cáo, chỗ kia có những sinh viên gục hấn đầu xuống bàn hoặc quay ra nói chuyện riêng, thậm chí có sinh viên lén lấy điện thoại ra chơi game. Mặc dù nhìn thấy, nhưng do phải tập trung theo dõi nội

dung thuyết trình để nhận xét và đánh giá nên không phải lúc nào giáo viên cũng có thể quay xuống nhắc nhở những sinh viên không có ý thức như vậy được. Hơn nữa, sở dĩ có tình trạng như vậy, cũng xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan như: phòng học quá rộng nên không khí học bị loãng (do lớp đông nên được bố trí học tại phòng D201); âm thanh của micro nhỏ lại chỉ có một chiếc, nhiều khi đang trình bày lại yếu pin nên tiếng sôi và khó nghe; nhóm thuyết trình nói không hấp dẫn, nói nhỏ... Thông thường chỉ có nửa lớp phía trên là tập trung theo dõi các bạn trình bày, phần duy nhất thu hút được sự chú ý của cả lớp là phần đặt câu hỏi chất vấn. Nếu cứ để tình trạng như vậy, thiết nghĩ tính hiệu quả của giờ làm việc nhóm sẽ bị ảnh hưởng rất nhiều.

→ **Biện Pháp:** Có nhiều biện pháp để khắc phục tình trạng ồn ào, mất trật tự này. Chúng tôi đã áp dụng một trong những cách như sau và bước đầu đã thu được hiệu quả nhất định. Đó là sau khi nhóm trình bày xong, gọi bất kỳ một vài sinh viên của nhóm khác nhận xét và có thể đánh giá nhóm của thành viên đó vào điểm bài thuyết trình luôn. Như vậy tự khắc các nhóm phải nhắc nhau trật tự để theo dõi, nếu không sẽ gây ảnh hưởng đến cả nhóm. Ngoài ra, khuyến khích sinh viên trật tự bằng cách thông báo nếu các nhóm có tinh thần và có chuẩn bị để phản biện các nhóm khác sẽ được cộng điểm để tránh cào bằng điểm. Một biện pháp nữa cũng có thể thực thi là mỗi buổi học cử ra một số sinh viên có trách nhiệm, hỗ trợ giáo viên nhắc nhở các nhóm trật tự. Những sinh viên này có quyền đánh dấu những nhóm mất trật tự để trên cơ sở đó, giáo viên sẽ có biện pháp xử lý.

2.2.2. Nêu vấn đề nghiên cứu:

Môn học *Cơ sở Văn hóa Việt Nam* là một môn học nặng về lý thuyết, hai ngành học môn học này là Văn hóa du lịch và Ngoại ngữ về cơ bản được xếp vào khối ngành Khoa học xã hội và nhân văn. Nghề nghiệp tương lai của

sinh viên các ngành này cũng liên quan nhiều đến lĩnh vực văn hóa và sự phạm, vì vậy việc rèn luyện cho họ cách thức làm quen, nghiên cứu và giải quyết một vấn đề khoa học là vô cùng cần thiết. Vì thế, trong quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy, chúng tôi cũng đã thực thi phương pháp Nêu vấn đề nghiên cứu.

2.2.2.1. Nội dung và cách thức tiến hành:

Mục tiêu tổng quát của phương pháp Nêu vấn đề nghiên cứu là:

- Về nhận thức: giúp người học có cơ hội nắm chắc kiến thức theo chiều rộng lẫn chiều sâu. Điều này có được là do trong quá trình tìm hiểu và giải quyết vấn đề, người học hoàn toàn chủ động trong việc xác định những nội dung có liên quan để nghiên cứu, tìm hiểu và vận dụng.

- Về kỹ năng: giúp người học phát triển năng lực đọc tài liệu, kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm... Những kỹ năng này được hình thành trong quá trình người học nghiên cứu, vận dụng tài liệu, làm việc cùng với nhóm để giải quyết vấn đề và sau đó là trình bày kết quả trước tập thể lớp.

- Về thái độ: giúp người học cảm thấy gắn bó và yêu thích môn học và sự học, thấy được những giá trị của hoạt động nhóm đối với bản thân. Sự thay đổi về thái độ như vậy sẽ diễn ra từng bước theo quá trình phát triển của phương pháp dạy học nếu được tổ chức có hiệu quả.

Xuất phát từ mục tiêu đó, chúng tôi đã tiến hành phương pháp này qua các bước sau:

- Bước 1: Giáo viên định hướng:

Giáo viên đưa ra một số vấn đề nghiên cứu tổng quát cùng với những yêu cầu cụ thể về bài nghiên cứu như nội dung, cách thức trình bày, hướng dẫn tìm nguồn tài liệu... Trên cơ sở đó, các nhóm sinh viên sẽ lựa chọn cho mình những đề tài có phạm vi hẹp hơn để tiến hành nghiên cứu.

Trên thực tế, với phương pháp này, chúng tôi đã áp dụng thử với khóa 10 ngành Văn hóa du lịch ngay từ năm học 2006-2007, khi nhà trường chưa chính thức chuyển đổi sang hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Đến khóa 12, chúng tôi lại tiến hành áp dụng một lần nữa và thu được những kết quả khả quan. Về vấn đề này chúng tôi sẽ trình bày sau.

Về hướng đề tài nghiên cứu tổng quát, với cả hai khóa, chúng tôi đều đưa ra các vấn đề chung như:

1. Văn hóa ẩm thực
2. Văn hóa trang phục
3. Nghệ thuật thanh sắc
4. Nghệ thuật hình khối
5. Phong tục, tập quán
6. Tôn giáo với văn hóa Việt Nam
7. Khai thác văn hóa trong du lịch
8. Văn hóa truyền thống và văn hóa hiện đại.

- Bước 2: Sinh viên giải quyết vấn đề nghiên cứu:

Sau khi lựa chọn hướng đề tài nghiên cứu, sinh viên tìm kiếm tài liệu và quyết định chọn một đề tài cụ thể. Trên cơ sở đó, nhóm phân công nhau các nhiệm vụ tùy thuộc theo năng lực và sở thích của từng người. Chẳng hạn,

những bạn giỏi tin sẽ được phân công sưu tầm tài liệu trên mạng, đánh máy báo cáo; những bạn chăm chỉ sẽ tìm tài liệu từ sách báo tạp chí, tập hợp và ghi chép lại để làm cơ sở tài liệu chung... Với phương pháp này, chúng tôi không qui định cụ thể về việc phân nhóm, mà dựa trên sự tự nguyện của các em, vì thế có nhóm có từ 4-5 sinh viên, nhưng cũng có nhóm chỉ có một sinh viên do điều kiện nhà em ở khá xa so với các bạn, hoặc hướng đề tài mà em tâm đắc không tìm được tiếng nói chung với các bạn trong lớp. Nhưng nhìn chung, các em đều hào hứng với đề tài của mình và nỗ lực hoàn thành đúng kỳ hạn. Nhiều đề tài trong đó có chất lượng khá tốt, chúng tôi xin đơn cử ra đây:

+ Lớp VH1001:

- Vai trò của Phật giáo với đời sống tinh thần nhân dân Hải Phòng (Nguyễn Thị Ánh Dung, Hà Duy Hà, Nguyễn Thế Thư, Vũ Thị Yên).

- “Miếng trầu là đầu câu chuyện” (Vũ Mạnh Thắng)

- Kiến trúc chùa Việt (Bùi Đình Quang, Nguyễn Thành Tuân, Hoàng Đức Thanh).

- Thiên Trúc Lâm Yên Tử - sáng tạo văn hóa Phật giáo của người Việt (Tô Thị Anh, Đỗ Ngọc Bích, Nguyễn Thị Khánh, Nguyễn Thị Khanh, Trần Thị Phương Linh, Vũ Thị Ánh Ngọc).

- Văn hóa trang phục của người Thái trắng (Nguyễn Thị Lan Anh, Vũ Thu Nga).

+ Lớp VH1003:

- Âm thực của người Việt và người Thái (Phan Thị Thanh Hiền).

- Đạo Mẫu trong đời sống tâm linh người Việt (Trần Thị Kim Cúc, Nguyễn Thị Giang, Vũ Thị Chúc)

- Tìm lại kiến trúc cổng làng trong đời sống hiện đại (Nguyễn Thanh Thùy, Đặng Thị Trang)

+ Lớp VH1201 và VHC501:

- Những nhạc cụ độc đáo của đồng bào Tây Nguyên (Trịnh Phương Thảo, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Tâm, Tạ Thị Mai Lan)

- Tang ma cổ truyền của người Việt (Nguyễn thị Mai Anh, Phạm Xuân Đông, Bùi Thị Ly)

- Nhớ về Làng tranh dân gian Đông Hồ (Phạm Ngọc Thịnh, Bùi Công Giang, Trần Phương Hoài, Đặng Thị Thùy Dương)

- Phong tục hôn nhân cổ truyền và hiện đại (Nguyễn Thị Ngân, Lê Mạnh Hùng, Lê Thị Thu Hà)

- Bước 3: Đánh giá, tổng kết:

Sau khi hoàn thành báo cáo, sinh viên nộp cho giáo viên để chấm điểm. Do không có nhiều thời gian nên chúng tôi không lựa chọn những báo cáo điển hình để trình bày trước lớp. Thay vào đó, sau khi đọc và chấm xong, chúng tôi nêu những mặt được và chưa được của từng báo cáo trước lớp, sau đó yêu cầu các nhóm đổi báo cáo cho nhau để cùng tham khảo và rút kinh nghiệm. Đối với những đề tài hay, chúng tôi yêu cầu sinh viên phải chuyển tay nhau đọc. Sinh viên thường tò mò, vì thế họ luôn luôn chủ động tìm hiểu xem các bạn có gì xuất sắc hơn mình. Việc làm này giúp nâng cao tính cạnh tranh trong học tập của từng sinh viên.

2.2.2.2. Những kinh nghiệm thu được khi triển khai phương pháp Nêu vấn đề nghiên cứu:

+ Về hướng đề tài:

Mặc dù giáo viên đã đưa ra khá nhiều hướng đề tài chung, trên cơ sở đó sinh viên tự tìm hiểu và lựa chọn cho mình một vấn đề nghiên cứu hẹp hơn, nhưng hầu hết các em đều tỏ ra rất bị động, rất ít bạn có ý tưởng và mạnh dạn làm những đề tài mới và khó. Để cải thiện tình hình này, thiết nghĩ bên cạnh việc định hướng chung, giáo viên hoàn toàn có thể gợi ý cho các em những đề tài nhỏ, mới mẻ và hấp dẫn để các em chủ động trong việc tìm kiếm tài liệu. Đồng thời nếu các em chưa định hình được phương thức trình bày, bố cục đề tài..., giáo viên hoàn toàn có thể đầu tư thêm thời gian để chỉ bảo cho các em nhằm giúp các em có được một công trình nghiên cứu đầu tay có chất lượng. Một sự định hướng đúng sẽ giúp đỡ các em rất nhiều trong quá trình làm nghiên cứu khoa học hoặc làm khóa luận tốt nghiệp sau này.

Bên cạnh đó, như đã nói ở chương 1, do kiến thức của môn học *Cơ sở văn hóa Việt Nam* là những kiến thức đa ngành và liên ngành, nên không nhất thiết chỉ giới hạn hướng đề tài trong lĩnh vực Văn hóa mà có thể mở rộng cho phù hợp với đặc trưng ngành nghề đào tạo của các em. Lấy ví dụ, đối với sinh viên ngành Ngoại ngữ, có thể đưa cho các em những định hướng đề tài chung như Văn hóa - Ngôn ngữ, Văn hóa - Dân tộc học. Với những định hướng này, các em hoàn toàn có thể lựa chọn những nội dung nghiên cứu nhỏ hơn và chuyên sâu hơn như:

- Văn hóa qua kho tàng văn học dân gian (thành ngữ, tục ngữ, ca dao, truyện cười dân gian)

- Văn hóa ngôn ngữ các dân tộc Việt Nam

- So sánh văn hóa giao tiếp Việt Nam với một nền văn hóa khác (có thể so sánh luôn với ngôn ngữ của quốc gia mà các em đang học như Tiếng Anh, Tiếng Trung, Tiếng Nhật)

- Văn hóa ngôn ngữ cử chỉ

- Văn hóa hành vi ngôn ngữ (chào hỏi, khen chê, chúc mừng, cảm ơn, xin lỗi...)

- Tìm hiểu một giá trị văn hóa của một cộng đồng dân cư hay một quốc gia, dân tộc (văn hóa ẩm thực, trang phục, nghệ thuật, mỹ thuật, phong tục...)

Đối với sinh viên ngành Văn hóa du lịch, có thể đưa ra các hướng đề tài về Văn hóa - Du lịch, Văn hóa - Kinh doanh, với rất nhiều lựa chọn như:

- Điền dã, khảo sát, miêu tả, ghi chép 1 đến 2 lễ hội

- Viết thuyết minh về 1 điểm du lịch văn hóa

- Thử thiết kế một tour du lịch văn hóa trong phạm vi một quận/huyện, tỉnh/thành phố.

- Tìm hiểu về văn hóa tiếp thị

- Kinh doanh sản phẩm du lịch nghiên cứu từ góc độ văn hóa.

.....

+ Về cách thức và phương pháp nghiên cứu

Khi giao vấn đề nghiên cứu cho sinh viên, mặc dù đã giới thiệu sơ qua về nguồn tài liệu tham khảo, về cách thức nghiên cứu và những yêu cầu tối

thiếu của một bài nghiên cứu khoa học qui mô nhỏ, nhưng khi nhận được báo cáo của các em, chúng tôi thấy chưa thực sự hài lòng. Sở dĩ như vậy vì hầu hết các em mới chỉ dừng lại ở chỗ sưu tầm và lắp ghép tư liệu, hay nói cách khác là đi sao chép lại kiến thức, quan điểm của người khác chứ chưa hề có sự tư duy, chưa đưa ra được quan điểm cá nhân, chưa chỉ ra được đóng góp mới của bản thân.

2.2.3. Sử dụng câu hỏi Trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy:

Như chúng ta đã biết, nội dung chính của môn học *Cơ sở văn hóa Việt Nam* là cung cấp một cái nhìn tổng quan và hệ thống về nền văn hóa của dân tộc. Mặc dù đó là một nền văn hóa nhiều bản sắc và đã được định hình qua thời gian, nhưng khi nghiên cứu về từng vấn đề văn hóa cụ thể, trong giới học giả vẫn tồn tại nhiều ý kiến khác nhau. Chính vì thế, đây là một môn học rất có đất để sinh viên có cơ hội bày tỏ quan điểm cá nhân và sự nhìn nhận của mình. Chính vì vậy, chúng tôi đã lựa chọn bài thi tự luận cuối học kỳ làm hình thức kiểm tra đánh giá chính. Nhưng để đảm bảo ý thức học tập của các em trong suốt quá trình giảng dạy học tập, bên cạnh những bài kiểm tra viết, chúng tôi cũng tiến hành phương pháp sử dụng câu hỏi Trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy. Giáo viên chuẩn bị các câu hỏi Trắc nghiệm khách quan với mục đích: đánh giá năng lực đầu vào của sinh viên, ôn tập bài cũ, kiểm tra mức độ hiểu bài, lấy điểm quá trình... Sinh viên trả lời các câu hỏi trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm.

2.2.3.1. Cách thức triển khai:

- Bước 1: Giáo viên biên soạn bộ câu hỏi trắc nghiệm

Chúng tôi đã đầu tư thời gian và công sức để biên soạn bộ câu hỏi trắc nghiệm, áp dụng cho bài kiểm tra giữa kỳ hoặc cuối kỳ. Nội dung câu hỏi xuyên suốt nội dung môn học, mỗi câu hỏi có 4 đáp án (A,B,C,D), trong đó

chỉ có 1 đáp án đúng. Sau đó, chúng tôi nhập nội dung câu hỏi vào phần mềm Powerpoint, khi kiểm tra thì cho trình chiếu trên lớp.

- Bước 2: Sinh viên làm bài kiểm tra trắc nghiệm

Sinh viên xem nội dung câu hỏi trên màn hình Projector, lựa chọn đáp án đúng theo nhìn nhận của mình và điền đáp án (A hoặc B hoặc C hoặc D) vào bảng trả lời theo thứ tự câu hỏi do giáo viên phát trước khi kiểm tra. Sau khi làm xong, lớp trưởng thu bài và nộp lại cho giáo viên. Bảng trả lời phải ghi rõ họ tên của sinh viên nếu không sẽ bị coi là không hợp lệ.

- Bước 3: Đánh giá kết quả kiểm tra

Sau khi xem xong một lượt tập bài làm của cả lớp xem có vấn đề gì không (ví dụ đánh dấu những chỗ sinh viên đập xóa, đổi đáp án; kiểm soát số lượng câu sinh viên điền hay không điền đáp án), chúng tôi trao bài và trả bài lại cho sinh viên tự chấm cho nhau. Để đảm bảo việc sinh viên không tự chấm lại bài của chính mình, chúng tôi yêu cầu ghi rõ họ tên người chấm vào khung tên bên dưới. Giáo viên xác nhận đáp án chính xác và sinh viên sau khi kiểm tra đáp án của bạn sẽ tiến hành cộng điểm tổng, ghi lên góc trên của bài và nộp lại cho giáo viên.

2.2.3.2. Những kinh nghiệm thu được khi triển khai phương pháp Trắc nghiệm khách quan:

Trên thực tế, câu hỏi trắc nghiệm chúng tôi đã thử áp dụng với khóa 10 nhưng bằng cách in ra khổ giấy A4 chứ không nhập trực tiếp vào phần mềm Powerpoint. Việc làm này đã phát sinh một số vấn đề như gây lãng phí (một đề kiểm tra có từ 3-4 trang, nếu foto cho cả lớp là một khoản chi phí không nhỏ). Hơn nữa, “giấy trắng mực đen” nên nếu không làm ngay được một câu

hỏi nào đó, sinh viên hoàn toàn có thể để trống, sau đó quay sang trao đổi với bạn và điền vào (dù có thể vẫn sai) khiến cho không khí của giờ kiểm tra trở nên rất mất trật tự (dù giáo viên đã nhắc nhở), điểm kiểm tra không thực chất, không đảm bảo sự công bằng. Vì thế, đối với khóa 12, chúng tôi đã nhập câu hỏi vào phần mềm Powerpoint, các câu hỏi sẽ chạy lần lượt và không quay trở lại, mỗi câu lại chỉ có một định lượng thời gian nhất định, vừa đủ để sinh viên nhận thức vấn đề và điền đáp án của mình. Chẳng hạn như học kỳ trước, chúng tôi đã ra một đề kiểm tra gồm 40 câu, thời gian làm bài của mỗi câu là 30 giây, tổng thời gian chung là 20 phút. Nếu sinh viên nào không nắm được câu hỏi thì sẽ không trả lời được, ngoài ra cũng không thể quay sang cầu cứu bạn bè vì khi đó thời gian dành cho câu hỏi trước đã hết, một câu hỏi mới sẽ hiện ra, nếu không tập trung sẽ lại bỏ qua một câu hỏi khác. Bằng cách này, chúng tôi không chỉ hạn chế được việc trao đổi bài mà còn kiểm soát được việc gây ồn ào trong giờ kiểm tra.

Một kinh nghiệm nữa là để đảm bảo việc đánh giá kết quả được công bằng, tránh hiện tượng bao che cho nhau, chúng tôi yêu cầu sinh viên khi làm bài kiểm tra phải điền đáp án bằng bút bi, bút mực, không được điền bằng bút chì. Vì đã có trường hợp khi trao bài để chấm điểm, thấy bạn điền (bằng bút chì) sai nhiều quá, một số sinh viên đã tẩy đi và điền lại đáp án đúng hộ bạn. Bên cạnh đó, không nên quá tin vào kết quả sinh viên tự chấm điểm cho nhau. Thực tế đã cho thấy dù cho sinh viên không bao che cho nhau thì đôi khi họ vẫn cộng điểm nhầm cho bạn (có trường hợp cao hơn nhưng cũng có trường hợp thấp đi) vì thang điểm dành cho mỗi câu hỏi trắc nghiệm thường rất nhỏ và lẻ. Vì thế, sau khi thu bài về để lấy điểm, giáo viên nên cẩn thận xem lại một lần nữa để tránh sai sót và thiệt thòi cho sinh viên.

Ngoài ra, với câu hỏi trắc nghiệm khách quan, không nhất thiết là chỉ áp dụng với bài kiểm tra mà có nhiều cách để sử dụng một cách linh động và hiệu

quả. Chẳng hạn có thể đưa ra những câu hỏi trắc nghiệm khi cần thay đổi không khí học tập đang căng thẳng để giảm tải cho sinh viên hoặc khi cần thêm một kênh đánh giá với sinh viên để cho điểm cho khách quan và công bằng. Cũng có thể sử dụng phương pháp này để nhắc lại bài cũ, kiểm tra kiến thức đã học hoặc khi cần thúc đẩy hứng thú học tập của sinh viên.

2.2.4. Phương pháp Seminar:

2.2.4.1. Nội dung và cách thức triển khai:

Đây là hình thức tổ chức dạy học bắt buộc trong đào tạo theo tín chỉ, được triển khai sau các giờ lên lớp lý thuyết. Các vấn đề của nội dung môn học sẽ được giảng viên giao trước để sinh viên tự nghiên cứu tìm tòi và tranh luận công khai trên lớp. Giảng viên đóng vai trò người hướng dẫn, điều khiển (cũng có thể giao cho một nhóm nào đó thực hiện vai trò này), tổng kết (điều chỉnh, bổ sung) và đánh giá.

Đặc điểm: Hình thức dạy học seminar trong đào tạo theo tín chỉ được tổ chức nhằm: tạo cơ hội đào sâu, mở rộng và củng cố các kiến thức lý thuyết cho sinh viên; tăng cơ hội vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tế; rèn luyện kỹ năng lập luận, biện giải và bảo vệ các quan điểm, ý kiến cá nhân, kỹ năng chia sẻ, hợp tác; tạo “sức ép” tích cực cho người học.

Tính hiệu quả của giờ lên lớp seminar phụ thuộc vào các yếu tố sau: nội dung của các vấn đề (tính thời sự, hấp dẫn, độc đáo, khả năng liên hệ thực tế...), cách thức điều khiển của giảng viên, mức độ chuẩn bị và tính tích cực của sinh viên.

Đối với giờ lên lớp seminar, có thể tổ chức theo nhiều hình thức như:

1. Seminar nghiên cứu: Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, các sinh viên/nhóm sinh viên tự đề ra và đăng ký các nhiệm vụ nghiên cứu, thực hiện

và báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm mình trước lớp.

2. Seminar “bàn tròn”: Cá nhân hoặc nhóm được giao (hoặc thống nhất chọn) cùng một nhiệm vụ và triển khai nghiên cứu theo cách riêng của cá nhân/nhóm. Nhiệm vụ điều khiển, dẫn dắt seminar, phân tích, đánh giá và tổng kết có thể được giao cho một nhóm sinh viên chủ trì, không nhất thiết phải là giảng viên)

3. Seminar chuyên đề: Giảng viên chọn và giao cho sinh viên trình bày một số vấn đề được sinh viên quan tâm chú ý có liên quan mật thiết đến nội dung môn học. Trong một số trường hợp giảng viên có thể triển khai theo “đơn đặt hàng” của sinh viên. Xét về hình thức, kiểu seminar này gần giống với giờ lên lớp lý thuyết. Tuy nhiên, nó vẫn có những điểm khác biệt sau: tăng cơ hội đối thoại, trao đổi, tranh luận cho sinh viên; vấn đề thường thiên về thực tế hơn lý luận; bầu không khí học tập thường ít căng thẳng hơn;

Trong năm học vừa rồi, chúng tôi đã triển khai giờ Seminar theo hình thức Seminar chuyên đề với các bước tiên hành:

- Bước 1: Giáo viên giao vấn đề và nguyên tắc triển khai:

Nội dung giáo viên đưa ra cho các nhóm là “*Tìm hiểu, phân tích những điểm tích cực và hạn chế trong Văn hóa làng xã Việt Nam truyền thống - nghiên cứu trường hợp của Làng Việt Bắc Bộ*”. Do lớp đông nên chúng tôi chia lớp thành 4 nhóm lớn, mỗi dãy bàn theo hàng dọc là một nhóm và chỉ định Nhóm trưởng. Nhóm 1 và 2 phụ trách nội dung thứ nhất - mặt tích cực; Nhóm 3 và 4 phụ trách nội dung thứ hai - mặt hạn chế. Cùng với vấn đề, giáo viên cũng yêu cầu các nhóm phải giữ được bầu không khí học tập thoải mái, thân thiện; không chấp nhận chỉ trích, không phủ nhận, khuyến khích nhiều ý kiến; mọi người đều công bằng, luân chuyển quyền đưa ra ý kiến, thời gian phát biểu tranh luận là như nhau; trình bày ý kiến ngắn gọn, tập trung, không

lặp lại.

- Bước 2: Sinh viên tiến hành tranh luận, thảo luận:

Vì vấn đề có hai nội dung (mặt tích cực và hạn chế), nên chúng tôi yêu cầu các nhóm tiến hành thảo luận từng nội dung một. Để đảm bảo sự theo dõi khách quan và chính xác, khi nhóm 1 trình bày, chúng tôi yêu cầu nhóm 2 cử đại diện ghi tóm tắt các ý kiến của nhóm 1 lên bảng. Sau đó, nhóm 2 sẽ thể hiện quan điểm của mình bằng cách đồng tình hay phản đối ý kiến của các bạn. Nếu phản đối, nhóm 2 phải đưa ra lý lẽ của mình để phản bác lại, đồng thời bổ sung ý kiến, nếu có. Nhóm 1 sau khi nhóm 2 phản biện xong, phải cử đại diện để bảo vệ ý kiến của nhóm mình. Trong giờ Seminar, giáo viên sẽ đóng vai trò tham dự, hướng dẫn, đạo diễn, nhận xét và tổng kết thảo luận. Giáo viên cần khẳng định những nội dung đúng, sửa chữa những nội dung chưa đúng hoặc “chốt” nội dung của vấn đề, dùng nó như một phương tiện để chuyển tải nội dung cốt lõi của chủ đề thảo luận.

Qui trình làm việc như vậy được lặp lại với nội dung vấn đề thứ hai, được tiến hành với các nhóm 3 và 4.

- Bước 3: Tổng kết, đánh giá:

Sau khi các nhóm thảo luận, phản bác và bảo vệ ý kiến xong là phần đánh giá, cho điểm phần chuẩn bị trình bày, thảo luận của từng nhóm hoặc từng sinh viên và tích lũy vào kết quả cuối của môn học. Giáo viên, bên cạnh việc tổng kết nội dung thảo luận, cũng cần đưa ra những nhận xét về cách thức tiến hành thảo luận của sinh viên, những phương pháp và phương tiện mà sinh viên áp dụng trong quá trình thảo luận để buổi thảo luận sau có kết quả tốt hơn.

2.2.4.2. Những kinh nghiệm thu được khi triển khai phương pháp Seminar:

+ Về bố trí phòng học:

Để thảo luận có hiệu quả, cần loại phòng có thể linh động bố trí chỗ ngồi, có thể xếp thành vòng tròn lớn, có thể chia thành từng nhóm nhỏ. Việc bố trí phòng sẽ tạo tâm lý thoải mái hơn cho người tham gia, thay vì chỉ đơn thuần ngồi theo kiểu lớp học hiện nay, thường sinh viên ngồi gần giáo viên hoặc gần nhóm thảo luận sẽ tham gia nói nhiều hơn. Sinh viên sẽ không cảm thấy thoải mái, tự tin nêu ý kiến nếu không được nhìn thấy người nói, hoặc không nằm trong tầm nhìn của người nói. Ngoài ra, theo chúng tôi, trong quá trình thảo luận, sinh viên và giảng viên không nhất thiết phải ngồi, họ có thể đứng để tham gia thảo luận. Vì vậy, nhà trường nên có những quy định cụ thể đối với giờ học thảo luận của các lớp để tránh việc hiểu nhầm của cán bộ thanh tra về ý thức học tập của lớp hay về năng lực kiểm soát lớp của giáo viên...

+ Về công cụ thảo luận:

Để một buổi thảo luận có hiệu quả, cần có những công cụ hỗ trợ. Với nhóm nhỏ, có thể dùng giấy khổ lớn để ghi lại các nội dung thảo luận, sau đó treo lên tường để các sinh viên nhóm khác còn tham khảo. Với nhóm lớn, có thể cho phép các em dùng phương pháp "round-ball" (viết ý kiến ra giấy, vo tròn lại và ném cho nhau) hoặc "talking stick" (ghi ý kiến ra những mảnh giấy nhỏ và chuyền cho đồng đội), chuyền quanh phòng bố trí theo vòng tròn, để đảm bảo tất cả mọi sinh viên đều phải cho biết ý kiến và để nói được, họ buộc phải nghe và tham gia thảo luận nhiều hơn.

+ Về sĩ số lớp:

Sĩ số lớp lớn là một trong những hạn chế đối với các buổi thảo luận. Để hỗ trợ các giáo viên tăng cường thực hiện phương pháp này và thực hiện một

cách hiệu quả, nhà trường cần có qui định rõ ràng về sĩ số của từng lớp. Nếu có ghép lớp, cũng không nên ghép một số lượng quá lớn, làm sao để đảm bảo mỗi bàn học chỉ ngồi tối đa 2 sinh viên (học kỳ vừa rồi, lớp học do chúng tôi đảm nhận có rất nhiều bàn các em phải ngồi đến 3 người). Về phía giáo viên cũng phải nỗ lực theo sát sinh viên ngay từ đầu bằng cách định hình lớp qua sơ đồ chỗ ngồi, kiểm soát tình trạng mất trật tự trong giờ thảo luận bằng các biện pháp như đối với giờ Làm việc nhóm.

2.2.5. Ứng dụng công nghệ thông tin:

2.2.5.1. Nội dung và cách thức triển khai:

Ở nước ta hiện nay, giáo dục đào tạo cùng với khoa học công nghệ được xem là quốc sách hàng đầu. Việc phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin cho phép kết hợp giáo dục đào tạo với khoa học công nghệ, xem đó như một phương tiện hữu ích để nâng cao khả năng dạy và học. Với một môn học nhiều kiến thức và khó định hình như môn *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy đem lại nhiều giá trị lớn. Trước hết, với việc đưa bài giảng lên máy vi tính, giáo viên có thể định lượng khối kiến thức cần và đủ cho sinh viên trong vô lượng những kiến thức về văn hóa học và Văn hóa Việt Nam. Sau nữa, ngoài những kiến thức cơ bản được định lượng và mô hình hóa trình bày trong các Slide, sinh viên còn được hướng dẫn trả lời câu hỏi, phương pháp thực hành nghiên cứu và tham khảo sách báo bằng việc truy cập Internet. Như vậy, chúng ta dần dần có thể thực hiện được cách truyền thụ kiến thức theo phương pháp mới dành cho trình độ đại học: 30% kiến thức ở lớp, 70% kiến thức trên mạng. Điều này đặc biệt quan trọng với bộ môn *Cơ sở văn hóa Việt Nam* vì kiến thức của môn học này xem ra là bao la không bờ bến, giảng viên và sinh viên dễ bị “sa đà”, nhưng quan trọng

hơn là phương pháp này cho phép gợi mở những hiểu biết và cảm nhận sẵn có trong mỗi con người, bởi vì con người sống trong môi trường văn hóa.

Thứ hai, công nghệ thông tin cho phép giới thiệu những biểu hiện văn hóa (ngôn ngữ, âm nhạc, nghệ thuật...) một cách trực quan sinh động, đưa sinh viên đi vào cuộc sống văn hóa một cách tự nhiên, thoải mái, đầy hấp dẫn. Sinh viên có thể sống trong môi trường cộng sinh văn hóa, nhất là đối với Văn hóa Việt Nam, một nền văn hóa nằm ở ngã tư đường, có sự tiếp xúc lâu dài với các nền văn hóa trong khu vực, phương Đông và phương Tây, thì phương pháp so sánh là bắt buộc để nhận diện Văn hóa Việt Nam. Bên cạnh đó, việc giảng dạy bằng giáo án điện tử - một sản phẩm của việc áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy còn giúp cho giáo viên tiết kiệm được thời gian ghi bảng, thay vào đó có thêm thời gian để giải thích cặn kẽ các vấn đề cho sinh viên, giúp sinh viên hiểu và nhớ ngay vấn đề ở trên lớp. Đồng thời, phương pháp này cũng giúp tăng cường khả năng tương tác giữa người dạy và người học, giữa người học và chương trình học...

Chính vì xác định được tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, nên bên cạnh giáo án viết bảng, chúng tôi đã chủ động biên soạn bài giảng điện tử cho một số tiết học bằng phần mềm trình chiếu Powerpoint. Trong những bài giảng đó, bên cạnh nội dung kiến thức cần truyền tải đã được cô đọng thành các vấn đề, các ý chính; chúng tôi cũng xây dựng các mục tiêu, yêu cầu của tiết học, các định hướng câu hỏi - bài tập, các gợi ý nghiên cứu và hướng dẫn học tập cụ thể để sinh viên có thể nắm bắt vấn đề một cách tốt nhất ngay trên lớp và trong phần tự học ở nhà. Tuy nhiên, trong học kỳ vừa rồi, việc thực hiện phương pháp ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy chưa đạt được hiệu quả như ý muốn vì những lý do khách quan sau: Mặc dù nhà trường đã chủ trương trang bị và lắp đặt hệ thống máy chiếu tại tất cả các phòng học, nhưng trong thời điểm học tập môn học này, tại

phòng D201 - phòng học chúng tôi được phân công giảng dạy, công việc lắp đặt vẫn chưa được tiến hành. Vì thế nếu muốn áp dụng bài giảng điện tử, chúng tôi phải đăng kí mượn máy chiếu lẻ tại phòng cho mượn thiết bị. Chúng tôi đã đăng kí mượn 3 lần, nhưng 2 lần đều được cán bộ phụ trách phòng mượn thông báo là chỉ có 3 máy còn dùng được song phải ưu tiên cho các giáo viên thỉnh giảng. Lần mượn được máy duy nhất, thì ổ điện tại phòng D201 lại hỏng, kết quả là chúng tôi lại phải chuyển sang hình thức thuyết giảng và viết bảng. Phải đến hôm học buổi cuối cùng, chúng tôi mới xin chuyển được phòng học sang khu nhà A, nhưng vì là buổi học cuối, nội dung học là ôn tập, tổng kết, nên chúng tôi chỉ có thể áp dụng hình thức cho sinh viên xem một số đoạn phim tư liệu để nhắc lại và mở rộng kiến thức. Dù vậy, sinh viên tỏ ra khá hào hứng với việc được tiếp cận với một kênh thông tin khác khá sinh động và hấp dẫn này. Vì thế, chúng tôi hy vọng với những học kỳ sau, khi nhà trường đã trang bị đầy đủ hệ thống máy chiếu, kết hợp thêm với mạng Wifi được lắp đặt toàn trường, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và học tập của giáo viên và sinh viên sẽ thu được nhiều kết quả khả quan hơn.

2.2.5.2. Những kinh nghiệm cá nhân khi ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy:

Mặc dù chưa áp dụng cụ thể phương pháp này vào trong quá trình giảng dạy, nhưng trong quá trình biên soạn bài giảng điện tử, tự bản thân chúng tôi nhận thấy có một số điều cần lưu ý sau:

+ Soạn nội dung trình chiếu:

Trình chiếu Powerpoint không giống như khi chúng ta thuyết giảng. Mỗi trang trình chiếu (Slide) chỉ chứa được một dung lượng kiến thức nhất định. Giáo viên không nên quá “tham” đưa quá nhiều kiến thức vào một Slide,

vì để đưa được nhiều kiến thức vào đồng nghĩa với việc phải sử dụng cỡ chữ nhỏ, như vậy những sinh viên ngồi cuối lớp sẽ khó theo dõi. Đồng thời, nhiều chữ, nhiều hiệu ứng sẽ khiến người xem rối mắt, do đó, thay vì thích thú theo dõi, sinh viên sẽ chóng mặt và chóng chán, hiệu quả của tiết học bị giảm sút. Hơn nữa, đưa những nội dung gì vào Slide trình chiếu cũng cần được giáo viên cân nhắc kỹ, nên đưa những ý chính bằng văn phong khoa học, cô đọng, ngắn gọn mà vẫn đủ ý, không nên viết tràn lan, hay sử dụng những câu phức, câu quá dài... Ngoài ra, khi sử dụng bài giảng điện tử, cả người dạy và người học đều hy vọng làm quen với thật nhiều hình ảnh minh họa hấp dẫn và sinh động bởi đây là điểm mạnh nhất của giáo án điện tử so với giáo án viết bảng. Nhưng nếu hình ảnh không được chọn lọc kỹ, đôi khi sẽ gây ra hiệu ứng ngược (đưa quá nhiều hình ảnh át cả phần nội dung, hay hình ảnh minh họa không đúng, không trùng khớp với nội dung đang trình bày). Bên cạnh đó, những tranh, ảnh hay đoạn phim minh họa dù hay nhưng mờ nhạt, không rõ ràng thì cũng không nên sử dụng vì không có tác dụng cung cấp thông tin xác định như ta mong muốn.

+ Trình chiếu Giáo án điện tử:

Khi giáo viên trình chiếu Power Point, để học sinh có thể ghi chép kịp thì nội dung trong mỗi slide không nên xuất hiện dày đặc cùng lúc. Ta nên phân dòng hay phân đoạn thích hợp, cho xuất hiện theo hiệu ứng thời gian tương ứng. Trường hợp có nội dung dài mà nhất thiết phải xuất hiện trọn vẹn cùng lúc, ta trích xuất từng phần thích hợp để giảng, sau đó đưa về lại trang có nội dung tổng thể, học sinh sẽ dễ hiểu và dễ chép hơn. Ngoài ra, mặc dù phần mềm Powerpoint cho phép sử dụng nhiều hiệu ứng nghệ thuật để tăng khả năng hấp dẫn người xem nhưng không nên quá lạm dụng như cùng một trang mà mỗi ý một kiểu chữ, một cỡ chữ, một kiểu hiệu ứng. Nên thống nhất về màu sắc, kiểu cách của các đề mục lớn, các tiêu đề nhỏ và các ý chính, phụ...

+ Hướng dẫn sinh viên ghi chép:

Với phương pháp giảng dạy truyền thống, sinh viên vốn đã quen với việc thầy cô đọc cho chép, vì vậy khi nhiều thầy cô chuyển sang giảng dạy bằng giáo án điện tử, rất nhiều sinh viên hoặc là không biết cách chép bài như thế nào, hoặc là quá mải mê theo dõi các hình ảnh minh họa mà quên mất nhiệm vụ chính của người học mà đành để vở trắng trơn. Vì thế, hướng dẫn sinh viên ghi chép bài giảng điện tử cũng là một mục tiêu quan trọng của tiết học. Theo chúng tôi, giáo viên nên đặt ra những quy định cụ thể về các kiến thức trình bày trong các Slide, chẳng hạn như:

- a- Những kiến thức căn bản, thuộc nội dung giáo khoa quy định sẽ nằm trong các slide có ký hiệu riêng. Sinh viên phải chép đầy đủ nội dung trong các slide này. Tập hợp nội dung các slide có ký hiệu riêng sẽ tạo nên kiến thức yêu cầu tối thiểu của tiết học.
- b- Những nội dung có tính thuyết minh, minh họa, mở rộng kiến thức sẽ nằm trong các slide khác, không có ký hiệu riêng. Với những slide này, sinh viên tự chọn học nội dung để chép tùy theo sự hiểu bài của mình.
- c- Với những kiến thức căn bản nhưng khá dài, nếu chép hết sẽ ảnh hưởng đến tiến độ của tiết học, sau khi giảng xong giáo viên hướng dẫn sinh viên đánh dấu trong giáo trình để về nhà chép hoặc học.

2.3. Kết quả khảo sát phiếu điều tra đánh giá môn học:

2.3.1. Nội dung khảo sát:

Sau khi giảng dạy xong môn học *Cơ sở văn hóa Việt Nam* vào học kỳ 1 năm học 2008-2009, nhằm thu thập thông tin phục vụ cho việc làm đề tài nghiên cứu khoa học, đồng thời dựa trên ý kiến khách quan của sinh viên để xem xét rút kinh nghiệm việc đổi mới phương pháp giảng dạy trong những

học kỳ sau, chúng tôi đã tiến hành phát phiếu điều tra đánh giá môn học tới sinh viên hai lớp VH1201 và VHC501. Tổng số phiếu phát ra là 94 phiếu, thu về đủ 94 phiếu. Nội dung phiếu điều tra gồm các vấn đề: Ý kiến sinh viên về việc thích hay không thích việc thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy; Ý kiến sinh viên về các phương pháp giáo viên đã áp dụng, hiệu quả của những phương pháp đó; khảo sát yêu cầu của sinh viên đối với giáo viên; tìm hiểu quá trình tự học tự nghiên cứu của sinh viên; tác động của việc thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy tới quá trình tiếp thu, học tập của sinh viên; ltham khảo ý kiến sinh viên về những vấn đề tồn tại trong quá trình đổi mới và biện pháp để khắc phục những vấn đề đó... Dưới đây là kết quả cụ thể của từng câu hỏi:

2.3.2. Kết quả khảo sát - nhận xét và đánh giá:

+ **Câu hỏi thứ nhất:** *Bạn có thích việc đổi mới giảng dạy môn học này theo hướng “Lấy người học làm trung tâm”?*

Có Một chút Không Không biết

Lý do:

Kết quả điều tra thu được: 73 sinh viên trả lời là “Có” (chiếm khoảng 77,7%), 9 sinh viên trả lời là “Một chút” (9,6%), 7 sinh viên trả lời là “Không” (7,4%) và 5 sinh viên trả lời là “Không biết” (5,3%).

Như vậy, phần lớn các em đều nhận thức được rằng việc đổi mới phương pháp giảng dạy là cần thiết và đều tỏ ra hào hứng với những gì thầy cô đã áp dụng trên lớp. Lý do mà những em này đưa ra là các em cảm thấy được tham gia vào quá trình học tập nhiều hơn, được tự mình làm chủ kiến thức hơn, không khí học tập sôi nổi hơn... Đối với những sinh viên có câu trả lời là “Không” hoặc “Không biết”, chỉ rất ít bạn đưa ra lý do cụ thể. Theo các em, việc áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy mới khiến các em làm việc quá vất vả, hoặc do không theo kịp bài giảng trên lớp... Như vậy, đối với những sinh

viên tỏ ra không hào hứng với xu hướng đổi mới phương pháp giảng dạy “Lấy người học làm trung tâm”, giáo viên cần có sự quan tâm khuyến khích nhiều hơn để các em có thể thực sự hòa đồng vào không khí học tập chung của cả lớp, đồng thời nỗ lực học tập để có được kết quả cao nhất.

+ **Câu hỏi thứ hai:** *Bạn thấy những phương pháp giảng dạy nào mà giáo viên đã áp dụng đem lại hiệu quả học tập tốt?*

- Giảng lý thuyết* *Lý thuyết + Phát vấn* *Nêu vấn đề nghiên cứu*
 Seminar *Làm việc nhóm* *Trắc nghiệm khách quan*

Kết quả điều tra thu được: Có 51 sinh viên lựa chọn phương pháp “Giảng lý thuyết”, 63 sinh viên chọn “Lý thuyết + Phát vấn”, 52 sinh viên chọn “Nêu vấn đề nghiên cứu”, 61 sinh viên chọn “Seminar”, 78 sinh viên chọn “Làm việc nhóm”, 49 sinh viên chọn “Trắc nghiệm khách quan”.

Như vậy, bên cạnh những phương pháp giảng dạy mới, rất nhiều sinh viên vẫn cho rằng việc giảng dạy lý thuyết của giáo viên là quan trọng. Có thể nói rằng, việc thuyết giảng của giáo viên vẫn chiếm phần lớn thời lượng của chương trình, đây cũng là kênh thông tin quan trọng nhất để sinh viên thu thập kiến thức một cách hệ thống, phục vụ cho quá trình học tập trên lớp và kiểm tra thi cử cuối học kỳ. Điều quan trọng là giáo viên phải không ngừng nâng cao kiến thức và tìm ra những phương pháp trình bày mới mẻ, hấp dẫn để giờ học lý thuyết không trở nên nhàm chán hay kém hiệu quả. Bên cạnh đó, cũng cần kết hợp với những giờ học khác, những phương pháp khác một cách nhuần nhuyễn, không nên quá lạm dụng một phương pháp nào để đảm bảo sự cân đối của chương trình và tính hiệu quả của phương pháp đó. Điều đáng mừng là có tới 61/94 sinh viên chọn phương pháp Seminar và 78/94 sinh viên chọn phương pháp Làm việc nhóm. Điều đó cho thấy sinh viên rất tích cực trong những cơ hội được thể hiện mình, được đưa ra ý kiến cá nhân, được tham gia trực tiếp vào quá trình học tập. Hơn nữa, đây đều là những phương pháp kích thích óc tư duy, phân tích vấn đề của sinh viên, giúp họ hoàn thiện

năng lực nhìn nhận, phát hiện và giải quyết vấn đề trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm. Điều đó cũng cho thấy, sinh viên thường thích những cách học đem lại cho họ sự sôi nổi và không khí cạnh tranh hơn là những giờ học trầm buồn.

+ **Câu hỏi thứ ba:** *Giảng viên tương tác với sinh viên trong quá trình dạy - học (trao đổi ý kiến, giải đáp câu hỏi, tổ chức lớp học, điều khiển giờ thảo luận, nêu vấn đề nghiên cứu, hướng dẫn đề tài nghiên cứu...) tốt đến mức nào?*

Rất kém *Kém* *Trung bình* *Tốt* *Rất tốt*

Kết quả điều tra thu được: Không có sinh viên nào lựa chọn “Rất kém”, có 1 sinh viên lựa chọn phương án “Kém” (1,1%), có 14 sinh viên lựa chọn “Trung bình” (14,9%), có 69 sinh viên lựa chọn “Tốt” (73,4%) và có 10 sinh viên lựa chọn “Rất tốt” (10,6%). Như vậy, không phải sinh viên nào cũng có cảm nhận giống nhau về năng lực và cách thức tổ chức lớp học của giáo viên. Bên cạnh những sinh viên đánh giá tốt thì vẫn có những sinh viên cho rằng vai trò của giáo viên chưa được tốt lắm. Điều này có thể do sự thể hiện của bản thân giáo viên chưa thật tốt, cũng có thể do trong quá trình giảng dạy sự tương tác giữa giáo viên và một vài sinh viên chưa thật sự sâu sát, cũng có thể xuất phát từ cảm nhận chủ quan của sinh viên... Dù vì bất cứ lý do gì, giáo viên cũng cần xem lại và trau dồi thêm để sự tương tác giữa người dạy và người học được diễn ra hiệu quả hơn.

+ **Câu hỏi thứ tư:** *Giáo viên cần làm những gì để việc đổi mới phương pháp giảng dạy có hiệu quả hơn?*

- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> <i>Chọn vấn đề phù hợp hơn</i> | <input type="checkbox"/> <i>Hướng dẫn SV tìm tài liệu</i> |
| <input type="checkbox"/> <i>Hướng dẫn SV cách trình bày</i> | <input type="checkbox"/> <i>Tổ chức lớp học tốt hơn</i> |
| <input type="checkbox"/> <i>Có cách đánh giá tốt hơn</i> | <input type="checkbox"/> <i>Tốt, không cần làm gì thêm</i> |

Kết quả điều tra thu được: Có 25 sinh viên lựa chọn đáp án “Chọn vấn đề phù hợp hơn”, 64 sinh viên lựa chọn “Hướng dẫn sinh viên tìm tài liệu”, 68 sinh viên lựa chọn “Hướng dẫn sinh viên cách trình bày”, 24 sinh viên lựa chọn “Tổ chức lớp học tốt hơn”, 17 sinh viên lựa chọn “Có cách đánh giá tốt hơn”, 9 sinh viên lựa chọn “Tốt, không cần làm gì thêm”.

Như vậy, phần lớn sinh viên đều cảm thấy băn khoăn về cách thức tìm và khai thác tài liệu cũng như cách thức triển khai và trình bày một vấn đề trước nhóm, trước lớp. Mặc dù đã được giáo viên hướng dẫn cách tìm tài liệu từ sách báo tạp chí, đặc biệt từ Internet, nhưng các em tỏ ra chưa biết cách chọn lọc và lựa chọn thông tin. Từ thực tế giảng dạy, chúng tôi nhận thấy rằng, Internet là một kho tài liệu vô tận, nhưng cũng hàm chứa cả những thông tin đúng và những thông tin sai, những thông tin hữu ích và những thông tin không thật sự cần thiết. Vấn đề nảy sinh với sinh viên khi tìm tài liệu trên mạng là nhiều em chưa có khả năng phân định sự chính xác của nguồn thông tin, hoặc quá ôm đồm dẫn đến thông tin quá nhiều mà không “tinh”, không “đắt”. Vì thế, sau khi các em nộp báo cáo, giáo viên nên đọc kỹ, sau đó dành ra một khoảng thời gian để tổng kết các nội dung chưa chính xác, những quan điểm, những ý kiến còn nhiều tranh cãi, đồng thời định hướng cho các em trong những lần tìm tài liệu sau này. Về cách thức trình bày, giáo viên cần nêu rõ những yêu cầu cụ thể đối với mỗi dạng bài tập, mỗi phương pháp giảng dạy và học tập mới để các em không bị bối rối, thường xuyên động viên các em tự tin trình bày, lắng nghe các em, sau đó chỉnh sửa rút kinh nghiệm cho cả lớp. Song quả thực, đây là một vấn đề rất khó, vì nó còn phụ thuộc vào năng lực giao tiếp của mỗi cá nhân, vì thế cách tốt nhất để hoàn thiện năng lực diễn thuyết trước đám đông là phải do các em nỗ lực trau dồi và tập luyện là chính.

+ **Câu hỏi thứ năm:** *Bạn thấy việc tự nghiên cứu tài liệu, tự học của mình thế nào?*

Rất kém *Kém* *Trung bình* *Tốt* *Rất tốt*

Kết quả điều tra thu được: 15 sinh viên trả lời “Rất kém” (16%), 27 sinh viên trả lời “Kém” (28,7%), 46 sinh viên trả lời “Trung bình” (48,9%) và chỉ có 6 sinh viên trả lời “Tốt” (6,4%), không có sinh viên nào lựa chọn “Rất tốt”.

+ **Câu hỏi thứ sáu:** *Bình quân hàng tuần, bạn dành thời gian tự học cho môn học này là:*

Dưới 1 giờ 1 - 2 giờ 3 - 4 giờ 4 - 5 giờ Trên 5 giờ

Kết quả điều tra thu được: Không có đáp án “Dưới 1 giờ”, có 5 sinh viên lựa chọn “1-2 giờ” (5,3%), 24 sinh viên lựa chọn “3-4 giờ” (25,5%), 45 sinh viên lựa chọn “4-5 giờ” (47,9%), 20 sinh viên lựa chọn “Trên 5 giờ” (21,3%).

Mục đích của việc đưa ra câu hỏi thứ 5 và thứ 6 là chúng tôi muốn khảo sát xem ngoài thời gian học tập và tiếp xúc thực tiễn với giáo viên trên lớp, sinh viên có ý thức tự học, tự nghiên cứu đến mức độ nào? Kết quả cho thấy sức ỳ của sinh viên vẫn là khá lớn. Trong học kỳ 1 vừa rồi, các em có 5 tuần học chính thức, mỗi tuần học 5 buổi sáng và chỉ phải học có 3 môn. Nếu làm một phép tính đơn giản, 5 tuần học tương đương với 35 ngày và bằng 840 giờ đồng hồ; trừ đi thời gian học buổi sáng (5 tiếng), thời gian dành cho việc ăn ngủ (khoảng 10 tiếng), mỗi ngày các em còn dư 9 tiếng. Giả dụ với 9 tiếng đó mỗi ngày, các em mất khoảng 3 tiếng cho các hoạt động khác (đọc báo, xem tivi, giao tiếp bạn bè...) thì vẫn còn khoảng 2 tiếng cho mỗi môn học. Như vậy mỗi tuần đáng ra sinh viên có thể dành tới 14 tiếng đồng hồ cho việc tự học, tự nghiên cứu một môn học của mình nếu như các em thật sự có ý thức học tập. Với kết quả khảo sát trên đây, trung bình các em dành chưa tới một giờ một ngày ngoài thời gian học tập bắt buộc trên lớp. Làm thế nào để kích thích các em có hứng thú học tập bên ngoài giảng đường, cần tới sự định hướng chung của ngành giáo dục, chính sách của nhà trường và sự nỗ lực của mỗi giáo viên. Nhưng nếu tự bản thân sinh viên chưa ý thức được việc học tập của mình, thì dù giáo viên có nỗ lực đổi mới phương pháp giảng dạy đến mấy, việc học tập của các em vẫn không thể có kết quả tốt được.

+ **Câu hỏi thứ bảy:** *Việc đổi mới phương pháp giảng dạy môn học có những tác dụng nào?*

- Giúp SV hiểu môn học hơn*
- Giúp SV mở rộng kiến thức*
- Giúp SV rèn luyện khả năng trình bày*
- Giúp SV phát triển tư duy*
- Giúp SV biết cách làm việc nhóm*
- Chỉ làm mất thời gian của môn học*

Kết quả điều tra thu được: 60 sinh viên lựa chọn câu trả lời “Giúp sinh viên hiểu môn học hơn”, 67 sinh viên chọn “Giúp sinh viên mở rộng kiến thức”, 48 sinh viên chọn “Giúp sinh viên rèn luyện khả năng trình bày”, 53 sinh viên chọn “Giúp sinh viên phát triển tư duy”, 51 sinh viên chọn “Giúp sinh viên biết cách làm việc nhóm” và cũng có 3 sinh viên trả lời “Chỉ làm mất thời gian của môn học”.

Như vậy phần lớn sinh viên đều nhận thức rõ ràng những tác dụng mà việc đổi mới phương pháp giảng dạy mang lại. Việc nhà trường yêu cầu các giáo viên phải không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy bằng nhiều phương pháp là một định hướng đúng, nhất là trong thời đại cạnh tranh ngay cả trong lĩnh vực giáo dục đào tạo như hiện nay. Hy vọng với sự nhận thức đó, sinh viên sẽ nỗ lực hơn để cùng với giáo viên và nhà trường làm cho chất lượng giảng dạy và học tập của trường Đại học Dân lập Hải Phòng ngày càng xứng đáng với Thương hiệu vàng đã được trao tặng.

+ **Câu hỏi thứ tám và thứ chín:**

- *Theo bạn, những vấn đề còn tồn tại trong quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập là:*

- *Biện pháp để khắc phục những vấn đề đó?*

Kết quả điều tra thu được: 73 sinh viên đưa ý kiến về tình trạng mất trật tự trong giờ thảo luận, giờ làm việc nhóm; 24 sinh viên đưa ý kiến về việc thiếu các phương tiện và thiết bị giảng dạy như máy chiếu (điều này hiện nay đang được nhà trường trang bị đồng bộ), thiết bị âm thanh; 25 sinh viên phàn nàn về việc Thư viện có quá ít tài liệu tham khảo; 5 sinh viên cảm thấy thời gian trình

bày của các nhóm không đồng đều nhau; 13 sinh viên đề nghị giáo viên cần có cách đánh giá khác để tránh tình trạng ỷ lại, dựa dẫm của một số sinh viên khác khi làm việc nhóm...

Mục đích của câu hỏi này là muốn trung cầu ý kiến của sinh viên, tìm hiểu nhu cầu, nguyện vọng của các em nhằm làm cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy có hiệu quả hơn. Nhưng, mặc dù đưa ra rất nhiều vấn đề như vậy, song rất ít sinh viên đề xuất được những biện pháp khắc phục cụ thể nhằm gợi ý cho việc tổ chức và điều hành lớp của giáo viên. Hầu hết đều là những ý kiến chung chung như nhà trường cần trang bị đầy đủ trang thiết bị học tập, cần nối mạng Internet và cho phép sinh viên vào mạng miễn phí một cách rộng rãi (vào thời điểm học môn này, nhà trường chưa lắp đặt Wifi), Thư viện cần mua thêm nhiều sách... Một số sinh viên đề nghị chia nhóm trên cơ sở tự nguyện, tự lựa chọn thành viên để tránh sự ỷ lại, dựa dẫm, một số khác thì đề nghị giáo viên định lượng thời gian trình bày cho từng nhóm một cách chặt chẽ, chính xác... Những ý kiến đóng góp của các em, dù ít dù nhiều cũng là kênh thông tin hữu ích để giáo viên nhìn nhận lại quá trình giảng dạy của mình và có cách tổ chức lớp học tốt hơn đối với những khóa học sau.

+ **Câu hỏi thứ mười:** *Theo bạn, để nâng cao hơn nữa chất lượng môn học và sự chủ động, sáng tạo của sinh viên thì Giảng viên, Khoa, Nhà trường cần làm những gì?*

Kết quả điều tra thu được: Chúng tôi xin lựa chọn những ý kiến điển hình để nêu ra trong đề tài này.

- Đối với giáo viên, các em đề nghị: giáo viên cần tạo cho sinh viên cơ hội tiếp xúc nhiều hơn bên ngoài giờ học; tổ chức một số trò chơi như kiểu ô chữ để vừa học tập vừa làm giảm sự căng thẳng của giờ học; chỉnh sửa nhiều hơn những sai sót và yếu kém của sinh viên; có thời gian nhiều hơn cho việc xem phim tư liệu; sưu tầm các giáo cụ trực quan để giới thiệu cho sinh viên.

- Đối với Bộ môn và Nhà trường: Rất nhiều sinh viên mong muốn được Bộ môn và Nhà trường tổ chức những chuyến đi thực tế gắn liền với nội dung môn học để nâng cao kiến thức, thực hiện phương châm “Học đi đôi với hành”. Song, chúng tôi thiết nghĩ, đây là những đòi hỏi quen thuộc của sinh viên, nếu môn học nào cũng yêu cầu đi thực tế thì không đủ thời gian cũng như ngân sách. Hơn nữa, trong chương trình đào tạo chung, đối với ngành Văn hóa du lịch đã có 2 chương trình đi thực tế là Thực tế Dân tộc học, Thực tế tuyến điểm miền Trung. Những chuyến đi này mặc dù chủ yếu phục vụ yêu cầu của các môn học khác (Dân tộc học, Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch), song cũng là cơ hội để các em tìm hiểu các vùng miền của đất nước và bản sắc văn hóa của dân tộc. Vì vậy giáo viên cần giải thích rõ để các em nắm được chương trình chung của ngành học để không có những yêu cầu bất hợp lý.

Bên cạnh đó, một đề nghị của sinh viên, xem ra khá hợp lý và cần có sự giúp đỡ từ phía Nhà trường là mở rộng kho tài liệu tham khảo (và cả giáo trình) đối với ngành Văn hóa du lịch. Hơn nữa, với sự phát triển của công nghệ thông tin, nhà trường nên hệ thống hóa để cung cấp cho các em những tài liệu điện tử để các em có thể cập nhật một cách thường xuyên, đơn giản mà không tốn kém.

2.4. Tiểu kết:

Trong chương 2, tác giả đề tài đã cố gắng lược thuật lại những phương pháp giảng dạy mới đã áp dụng, từ cách thức tiến hành đến việc rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết. Thiết nghĩ đây mới là lần đầu tiên ứng dụng nên chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Song cùng với thời gian và sự nỗ lực của giáo viên, chắc chắn những lần sau sẽ cho kết quả tốt hơn. Hơn nữa, việc đổi mới phương pháp giảng dạy là thực sự cần thiết, ngoài những phương pháp kể trên, hoàn toàn có thể áp dụng nhiều phương pháp nữa đối với môn học *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Trong chương 3, tác giả đề tài sẽ đề xuất thêm một số phương pháp giảng dạy mới và một số mô hình bài giảng phù hợp. Việc có ứng dụng những phương pháp này hay không cần căn cứ vào tình hình thực tiễn giảng dạy cụ thể cũng như đặc trưng của lớp học, của đối tượng học. Nếu có điều kiện, chúng tôi dự định sẽ tiến hành tất cả các phương pháp này để có được cái nhìn hệ thống và toàn diện nhất về vai trò, tác dụng của việc đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp theo yêu cầu của hệ thống đào tạo theo tín chỉ. Nếu điều kiện khách quan không cho phép, chúng tôi sẽ áp dụng luân phiên để tìm ra phương pháp nào cho hiệu quả tốt nhất, rút kinh nghiệm để thực hiện trong những lần sau.

CHƯƠNG 3:

BỔ SUNG MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY MỚI VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ MÔ HÌNH BÀI GIẢNG - BÀI TẬP THỰC TẾ THEO PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TÍCH CỰC LẤY NGƯỜI HỌC LÀM TRUNG TÂM

3.1. Bổ sung một số phương pháp Dạy - Học mới áp dụng trong học chế tín chỉ

3.1.1. Sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy (*Teaching with research papers*)

Bên cạnh giáo trình chính, giáo viên có thể sử dụng một số công trình nghiên cứu khác của những học giả khác có liên quan đến nội dung của môn học để bổ sung kiến thức cho sinh viên hoặc rèn luyện khả năng tư duy cũng như óc phân tích, nhìn nhận, đánh giá vấn đề. Nhất là với một môn học có nội dung phong phú như môn học *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, việc áp dụng phương pháp này không phải là khó bởi cùng một vấn đề văn hóa nhưng được xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau sẽ cho ý kiến khác nhau. Phương pháp này có thể tiến hành qua ba bước chính:

- **Bước 1:** Giáo viên chuẩn bị các bài báo/báo cáo khoa học có liên quan đến nội dung dạy học.

- **Bước 2:** Sinh viên được giao thực hiện những công việc dựa trên bài báo/báo cáo khoa học trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm.

- **Bước 3:** Giáo viên đánh giá, tổng kết trên cơ sở làm việc của sinh viên.

Có thể liệt kê các phương pháp sử dụng Công trình nghiên cứu (CTNC) theo thứ tự tăng dần về mức độ tham gia của người học vào loại hình dạy học này như sau:

- Sử dụng CTNC để đưa thông tin mới vào bài giảng.

- Dùng CTNC làm tài liệu tham khảo cho người học

- Dùng CTNC làm “vấn đề” cho quá trình dạy học: Ở đây, CTNC được sử dụng như một “vấn đề”, và người học được tiếp cận với nó ngay từ lúc những kiến thức có liên quan chưa được trang bị một cách đầy đủ. Sự tiếp cận đột ngột này làm phát sinh những mâu thuẫn giữa vốn kiến thức đang có và nhu cầu được hiểu biết; và vì vậy làm tăng ở họ sự tò mò, lòng ham muốn được hiểu biết vấn đề.

- Tổ chức cho người học báo cáo chuyên đề dựa trên CTNC: Người học không những được tiếp cận với thông tin mới mà còn được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, tóm tắt, và trình bày các vấn đề khoa học. Qua nghiên cứu các công trình để chuẩn bị cho báo cáo trước lớp, người học còn có cơ hội hiểu biết sâu sắc vấn đề được nêu ra cũng như học hỏi các phương pháp đặt vấn đề, giải quyết vấn đề trong khoa học.

- Tổ chức lớp học thảo luận về CTNC: Thông thường giáo viên sẽ lựa chọn một CTNC có nội dung tương phản với một vấn đề nào đó đang được trình bày trong tiết học và yêu cầu sinh viên thảo luận. Quá trình thảo luận sẽ giúp người học nắm bắt vấn đề chắc hơn, giúp họ làm quen với không khí và phương pháp tranh luận trong khoa học. Tùy theo sĩ số của lớp học mà người dạy phân chia số nhóm thảo luận, tuy nhiên mỗi nhóm không nên quá 10 học viên. Nội dung của thảo luận cũng như yêu cầu của sản phẩm thảo luận cần được người dạy chuẩn bị trước và thống nhất với các nhóm.

Sử dụng CTNC trong giảng dạy sẽ giúp cho cả người dạy và người học làm quen với nhiều hệ thống quan điểm khác nhau, giúp mở rộng và nâng cao kiến thức. Song để áp dụng phương pháp này một cách thành công, đòi hỏi giáo viên phải luôn luôn nắm vững vấn đề mà mình đang trình bày và định cho sinh viên tìm hiểu. Điều quan trọng hơn cả là phải tìm kiếm những CTNC có chất lượng, những công trình đó có thể đóng vai trò là tiền đề hoặc phản đề để giúp người học hiểu rõ hơn về môn học. Nếu không tìm được những công trình có giá trị, tốt nhất giáo viên không nên áp dụng phương pháp này để tránh tạo ra những hiệu quả ngược. Mặt khác, để thực hiện thành công, đòi hỏi giáo viên phải có kiến thức chuyên sâu và bản lĩnh vững vàng để có thể dung nạp các ý kiến của sinh viên, những quan điểm, những cách nhìn khác nhau và đi tới tổng kết thành những luận điểm mang tính chung nhất, chuẩn xác nhất.

Ví dụ về việc áp dụng phương pháp sử dụng công trình nghiên cứu trong giảng dạy đối với môn học *Cơ sở văn hóa Việt Nam*:

Trong chương 1, phần 1.2 (Định vị văn hóa Việt Nam), có tiết học về *Nguồn gốc dân tộc Việt Nam*, nội dung nêu lên 3 giai đoạn hình thành các dân tộc Việt Nam và chứng minh 54 dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam đều có chung một nguồn gốc; nhằm cung cấp thêm cho sinh viên kiến thức về lịch sử hình thành của đất nước, của dân tộc, chúng tôi dự định cho sinh viên tham khảo một bài viết của nhà nghiên cứu Trương Thái Du, có tên là “*Thử viết lại cổ sử Việt Nam*”. Trong bài viết này, tác giả đã nêu lên những nhận định rất riêng và chứng minh nhà nước Văn Lang - Âu Lạc của người Việt cổ vốn có nguồn gốc và được thành lập trên lãnh thổ Trung Hoa (thuộc lưu vực sông Trường Giang). Với bài viết này, sinh viên có thể phân tích, tìm tòi thêm tài liệu để đồng tình hoặc phản đối việc Văn hóa Việt Nam khởi nguồn từ nền văn minh láng giềng Hoa Hạ. Ngoài ra, bài viết cũng cho phép sinh viên nghiên cứu sự

gần gũi và ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa lên văn hóa Việt Nam (và ngược lại) từ trong quá khứ như thế nào...

3.1.2. Dạy học dựa trên vấn đề (Problem-based learning)

Dạy học dựa trên vấn đề (DHDTVĐ) là một cách tiếp cận tổng thể trong giáo dục, ở góc độ chương trình học lẫn quá trình học: chương trình học bao gồm những vấn đề được lựa chọn và thiết kế cẩn thận nhằm giúp người học tiếp nhận tri thức một cách có phê phán, tăng cường kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng tự học và kỹ năng làm việc nhóm; quá trình học có tính hệ thống như quá trình giải quyết vấn đề hoặc thử thách có thể gặp trong đời sống⁶.

Dạy học dựa trên vấn đề còn là phương pháp dạy học nhằm giúp người học tiếp nhận tri thức và kỹ năng thông qua một quá trình học - hỏi được thiết kế dựa trên những câu hỏi, những vấn đề, và những nhiệm vụ thực tiễn được xây dựng cẩn thận.

Phương pháp Dạy học dựa trên vấn đề có thể tiến hành theo 3 bước:

- **Bước 1:** Giáo viên xây dựng “vấn đề” có liên quan đến nội dung dạy học. Giáo viên đóng vai trò định hướng (chỉ ra những điều cần được lý giải của vấn đề), trợ giúp (chỉ ra nguồn thông tin, giải đáp thắc mắc...), đánh giá (kiểm tra các giả thuyết và kết luận của người học), hệ thống hóa kiến thức, khái quát hóa các kết luận.

- **Bước 2:** Sinh viên được giao giải đáp “vấn đề” trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm. Trên cơ sở vấn đề được nêu ra, chính người học phải chủ động tìm kiếm thông tin thích hợp để giải quyết vấn đề. Nói cách khác, chính người học gần như phải tự trang bị cho mình phần “lý thuyết” nhằm có đủ kiến thức để tiếp cận và giải quyết vấn đề.

⁶ TS. Lê Văn Hào, Nâng cao chất lượng đào tạo thông qua phương pháp dạy học dựa trên vấn đề, Trường Đại học Nha Trang.

- **Bước 3:** Giáo viên cùng sinh viên đánh giá, tổng kết.

Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề có những ưu điểm sau:

- Do người học phải chủ động tự tìm kiếm thông tin thích hợp giúp giải quyết vấn đề nên phương pháp này góp phần phát huy tính tích cực, chủ động trong học tập vì phương pháp DHDTVĐ dựa trên cơ sở tâm lý là kích thích hoạt động nhận thức bởi sự tò mò và ham hiểu biết cho nên thái độ học tập của người học mang nhiều yếu tố tích cực. Năng lực tư duy của người học một khi được khơi dậy sẽ giúp họ cảm thấy thích thú và trở nên tự giác hơn trên con đường tìm kiếm tri thức.

- Người học được rèn luyện các kỹ năng cần thiết: Thông qua hoạt động tìm kiếm thông tin và lý giải vấn đề của cá nhân và tập thể, người học được rèn luyện thói quen/kỹ năng đọc tài liệu, phương pháp tư duy khoa học, tranh luận khoa học, làm việc tập thể... Đây là những kỹ năng rất quan trọng cho người học đối với công việc sau này của họ.

- Bài học được tiếp thu vừa rộng vừa sâu, được lưu giữ lâu trong trí nhớ người học: Do được chủ động tìm kiếm kiến thức và vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề, người học có thể nắm bắt bài học một cách sâu sắc và vì vậy họ nhớ bài rất lâu so với trường hợp tiếp nhận thông tin một cách thụ động thông qua nghe giảng thuần túy.

- Đòi hỏi Giáo viên không ngừng vươn lên: Việc điều chỉnh vai trò của giáo viên từ vị trí trung tâm sang hỗ trợ cho hoạt động học tập đòi hỏi nhiều nỗ lực từ phía giáo viên. Đồng thời theo phương pháp này, giáo viên cần tìm tòi, xây dựng những vấn đề vừa lý thú vừa phù hợp với môn học và thời gian cho phép; biết cách xử lý khéo léo những tình huống diễn ra trong thảo luận... Có thể nói rằng phương pháp DHDTVĐ tạo môi trường giúp GV không ngừng tự nâng cao trình độ và các kỹ năng sư phạm tích cực.

Bên cạnh những ưu điểm kể trên, phương pháp DHDTVĐ cũng có những nhược điểm như:

- Khó vận dụng ở những môn học có tính trừu tượng cao: Phương pháp này không cho kết quả như nhau đối với tất cả các môn học, mặc dù nó có thể được áp dụng một cách rộng rãi. Thực tế cho thấy những môn học gắn bó càng nhiều với thực tiễn thì càng dễ xây dựng vấn đề, và vì vậy khả năng ứng dụng của phương pháp càng cao. Đối với môn học *Cơ sở văn hóa Việt Nam* là một môn học nặng về lý thuyết, không có nhiều vấn đề thực tiễn để giáo viên phát hiện và lựa chọn. Song về mặt học thuật, đây lại là một môn học rất có đất để tìm hiểu, nghiên cứu.

- Khó vận dụng cho lớp đông: Lớp càng đông thì càng có nhiều nhóm nhỏ vì vậy việc tổ chức, quản lý sẽ càng phức tạp, một giáo viên rất khó theo dõi và hướng dẫn thảo luận cho cả chục nhóm người học. Trong trường hợp này, cần có những biện pháp để quản lý lớp tốt hơn.

Đối với môn học *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, vấn đề có thể được giáo viên xây dựng theo hai dạng sau:

+ Dạng 1: Vấn đề được giáo viên và người học biết về nội dung. Về phương pháp và giải pháp, giáo viên có thể biết đầy đủ hoặc một phần, còn người học thì chưa biết và họ cần phải đưa ra quan điểm riêng.

- Ví dụ 1: *Hãy đưa ra những giải pháp nhằm khắc phục những nhược điểm trong tính cách của người Việt Nam?* Đối với vấn đề này, sinh viên phải xác định được đâu là nhược điểm của người Việt Nam (phải là những nhược điểm được các nhà nghiên cứu công nhận từ trước đến nay); nguyên nhân lịch sử của những nhược điểm đó, để từ đó đưa ra những biện pháp khắc phục cụ thể...

- Ví dụ 2: *Làm thế nào để giới thiệu văn hóa Việt Nam đến bạn bè quốc tế?* Đối với vấn đề này, sinh viên cần lựa chọn những giá trị văn hóa đặc sắc nhất của dân tộc để tìm hiểu, nghiên cứu, trên cơ sở đó đưa ra những nhận định và giải pháp của cá nhân hoặc nhóm.

- Ví dụ 3: *Làm thế nào để khai thác hiệu quả một giá trị văn hóa truyền*

thống cho hoạt động du lịch? Đối với vấn đề này, sinh viên phải tìm hiểu rõ về một giá trị văn hóa cụ thể, xem xét nó dưới góc độ liên quan đến lĩnh vực du lịch để đưa ra giải pháp khai thác hiệu quả.

+ Dạng 2: Giáo viên và người học đều chưa biết nội dung của vấn đề cũng như phương pháp và giải pháp tiến hành.

Ví dụ: *Hãy đưa ra ba vấn đề quan trọng nhất đối với sự phát triển Văn hóa truyền thống của dân tộc trong thời đại ngày nay và cách thức giải quyết các vấn đề đó?* Đối với vấn đề này, thường được xem xét dưới góc độ chính sách vĩ mô và mỗi người sẽ có một quan điểm, một sự định hướng khác nhau. Các ý kiến sẽ được trao đổi, thảo luận để tìm ra những nội dung xác đáng, được nhiều người đồng tình nhất.

Trên đây chỉ là một số ví dụ minh họa có thể áp dụng đối với phương pháp DHDTVĐ. Tùy theo hoàn cảnh học tập cụ thể, mỗi giáo viên có thể nghiên cứu, định hướng để đưa ra những vấn đề mang tính thời sự nhất nhằm “kích nã” cho sinh viên, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phát hiện, tìm kiếm và giải quyết vấn đề một cách khoa học nhất.

3.1.3. Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy (Teaching with videos)

Bên cạnh những cách giảng dạy truyền thống, với sự hỗ trợ của các phương tiện hiện đại như máy vi tính, máy chiếu, giáo viên hoàn toàn có thể sưu tầm và biên soạn những đoạn/tập phim tư liệu có liên quan đến môn học để trình chiếu trên lớp cho sinh viên xem. Đây là một cách truyền thụ kiến thức dễ được sinh viên tiếp nhận hơn là giảng lý thuyết thuần túy bởi sự phong phú, hấp dẫn, sinh động của hình ảnh trực quan. Bên cạnh đó, giáo viên còn có thể sử dụng phim tư liệu như một công cụ hữu hiệu để kích thích kỹ năng tư duy, phân tích và nhìn nhận vấn đề của sinh viên. Theo chúng tôi, phương pháp sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy có thể được ứng dụng theo các mô hình bài giảng sau:

- Mô hình 1: Giáo viên chuẩn bị phim tư liệu liên quan đến môn học và hệ thống các câu hỏi; sinh viên xem phim, sau đó trả lời các câu hỏi trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm. Đối với mô hình này, giáo viên phải chú ý biên soạn hệ thống các câu hỏi làm nổi bật nội dung của vấn đề cần trình bày.

- Mô hình 2: Giáo viên cho sinh viên xem phim tư liệu trên lớp; yêu cầu sinh viên về nhà tổng kết nội dung bài giảng (có thể tham khảo thêm tài liệu ngoài) rồi nộp cho giáo viên. Trong buổi học sau, giáo viên sẽ xem xét, đánh giá, lựa chọn ra những ý kiến đúng, chính xác và chưa chính xác để thông báo trước cả lớp, sau đó hệ thống lại những nội dung chính trong phim kết hợp với phần lý thuyết để tạo thành một nội dung vấn đề hoàn chỉnh. Mô hình này có thể áp dụng với những phim tư liệu quá dài, chiếm nhiều thời gian của tiết học trên lớp, hơn nữa buộc sinh viên về nhà phải tiếp tục làm việc thêm để hoàn thành bài tập mà giáo viên giao.

- Mô hình 3: Sinh viên xem phim tư liệu, sau đó tiến hành thảo luận trực tiếp trên lớp dưới sự điều hành của giáo viên, cuối cùng giáo viên tổng kết những nội dung chính trong phim có liên quan đến tiết học.

Tuy nhiên, khó khăn của phương pháp này là khó sưu tầm được những tập phim tư liệu có giá trị, có chất lượng cả về hình ảnh và âm thanh. Phần lớn tư liệu mà giáo viên sưu tầm được là các đoạn phim ngắn, nội dung, ý tưởng chưa hoàn chỉnh. Vì thế, để có được một giờ học hiệu quả với phim tư liệu, thiết nghĩ các giáo viên phải dày công biên soạn, lắp ghép các đoạn phim, xây dựng thêm thuyết minh phụ đề nếu cần để có thể đáp ứng đầy đủ mục tiêu, yêu cầu của tiết học. Không nên cho sinh viên xem những đoạn phim nửa vời, điều này sẽ làm giảm giá trị của phương pháp và gây tâm lý thất vọng trong sinh viên.

Dự kiến với phương pháp này, chúng tôi có thể áp dụng trong những tiết học sau:

1. *Chương 4 - Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân*, Phần *Tín ngưỡng*, có thể cho sinh viên xem phim tư liệu về “Tín ngưỡng phồn thực”. Trong tập phim này nêu rất rõ về nguồn gốc hình thành của tín ngưỡng phồn thực trên thế giới và Việt Nam, các hình thức biểu hiện của tín ngưỡng đó trong đời sống xã hội, trong văn hóa truyền thống của người Việt, người Chăm và dấu ấn còn lại ngày nay trong một lễ hội cổ truyền ở vùng đất Tổ - Phú Thọ... Nếu còn thời gian, sinh viên có thể xem thêm một đoạn phim tư liệu về một lễ hội đồng - tín ngưỡng thờ Mẫu của dân tộc.

2. *Chương 5 - Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên*, Phần *Văn hóa ẩm thực*, có thể xem 2 phim tư liệu có tên gọi “Hạt lúa quê tôi” (giới thiệu những món ăn truyền thống có xuất xứ từ hạt gạo - loại thực phẩm quan trọng nhất góp phần cơ cấu nên bữa ăn của người Việt như các món bánh, bún, phở, xôi, chè...) và phim “Ẩm thực khẩn hoang” (giới thiệu các món ăn hoang dã của vùng sông nước miền Nam, khi ông cha chúng ta từ miền Bắc vào khu vực đồng bằng sông Cửu Long lập nghiệp, đã tận dụng tất cả những gì mà thiên nhiên ban tặng, để từ đó thấy được sự khác biệt trong gia tài văn hóa ẩm thực của hai miền Bắc - Nam). Phần *Văn hóa Ở*, mặc dù nội dung bài giảng chủ yếu đề cập đến kiến trúc nhà truyền thống của người Việt miền Bắc, nhưng để cung cấp cho sinh viên một cái nhìn đầy đủ về văn hóa kiến trúc của các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam, chúng tôi dự kiến giới thiệu phim tư liệu “Dấu ấn nhà truyền thống các dân tộc Việt Nam” với các hình thức nhà đất, nhà sàn, nhà rông, nhà dài, nhà rường, nhà ngói sân gạch...

3. *Chương 6 - Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội*, Phần *Nho giáo với văn hóa Việt Nam*, có thể cho sinh viên xem phim tư liệu “Nho giáo ở Việt Nam” giới thiệu về sự ra đời của Nho giáo, quá trình du nhập và phát triển ở Việt Nam, đặc điểm của Nho giáo Việt Nam, vai trò của Nho giáo đối với tổ

chức chính quyền của Nhà nước phong kiến Việt Nam, ảnh hưởng của Nho giáo trong đời sống văn hóa - xã hội của dân tộc...

Tuy nhiên, tất cả những nội dung của các tập phim mà chúng tôi giới thiệu ở trên, sinh viên phải xem phim và khái quát hóa thành các vấn đề, các ý chính. Phần việc này không hề đơn giản, bởi để có thể đi từ cụ thể tới khái quát, sinh viên phải rèn luyện cho mình óc phân tích và khả năng phát hiện vấn đề. Đó cũng là mục tiêu quan trọng mà phương pháp giảng dạy này hướng tới. Song khó khăn lớn nhất vẫn là về mặt thời gian, thời lượng của chương trình không cho phép, vì thế tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể, chúng tôi sẽ lựa chọn nên áp dụng phương pháp này với những nội dung giảng dạy nào thật cần thiết.

3.2. Đề xuất một số mô hình bài giảng - bài tập thực tế theo đặc thù môn học

3.2.1. Mô hình bài giảng:

3.2.1.1. Giờ lý thuyết:

Giờ lên lớp lý thuyết là giờ học chiếm nhiều thời lượng nhất trong một môn học (từ 50%-70% tùy theo cơ cấu của từng môn). Đây là giờ học chính để giáo viên truyền tải đến sinh viên lượng kiến thức chủ yếu, trong giờ học này, giáo viên đóng vai trò chủ động trong việc tổ chức lớp học, điều hành các hoạt động giảng dạy và học tập trên lớp dựa theo kịch bản lên lớp đã chuẩn bị sẵn. Trước đây, giờ lên lớp lý thuyết thường được biết đến chủ yếu dưới hình ảnh thầy đọc trò ghi. Nhưng trước yêu cầu đổi mới của ngành giáo dục, đặc biệt là theo yêu cầu của phương thức đào tạo theo tín chỉ, từng giáo viên cũng phải nỗ lực để tìm ra một diện mạo mới cho giờ lên lớp lý thuyết của mình, sao cho những giờ học đó không được quá đơn điệu, nhàm chán hoặc gây cho sinh viên tâm lý làm việc căng thẳng, nặng nề. Vì thế, chúng tôi đã cố gắng

nghiên cứu và dự kiến áp dụng một số mô hình bài giảng với giờ lên lớp lý thuyết như sau:

- Mô hình 1: Giảng viên giảng lý thuyết, kết hợp xây dựng những câu hỏi liên quan đến bài giảng và hỏi xen kẽ trong giờ học. Với hình thức này sẽ buộc sinh viên phải chú ý nghe giảng liên tục, đồng thời cũng buộc họ phải hoạt động trí óc thường xuyên để có thể trả lời được những câu hỏi giáo viên đặt ra. Hơn thế nữa, khi tham gia suy nghĩ và trả lời câu hỏi, sẽ giúp người học nhìn rõ vấn đề và ghi nhớ vấn đề lâu hơn, sâu sắc hơn.

- Mô hình 2: Giáo viên giảng lý thuyết trên lớp, cuối buổi yêu cầu một số sinh viên hệ thống lại những nội dung chính mà giáo viên đã trình bày trong giờ học. Mô hình này cũng buộc người học phải chăm chú nghe giảng, chăm chú ghi bài và điều quan trọng là giúp họ rèn luyện tư duy hệ thống hóa và khái quát hóa vấn đề. Điều này rất quan trọng bởi nó giúp sinh viên có được cái nhìn tổng quan sau mỗi bài giảng. Nếu bao quát được nội dung từng tiết học, sinh viên có thể thuộc bài ngay trên lớp mà không mất quá nhiều thời gian, công sức cho phần tự học ở nhà và ôn luyện cuối kỳ thi.

- Mô hình 3: Giáo viên giảng lý thuyết trên lớp, cuối buổi phát phiếu cho sinh viên, sinh viên điền câu hỏi chất vấn hoặc đưa ra những câu hỏi có liên quan đến nội dung môn học hay những vấn đề mà họ chưa nắm rõ rồi nộp lại cho giáo viên, giáo viên sẽ giải đáp trong buổi học sau. Mục tiêu của cách làm này là nhằm tăng cường khả năng tương tác giữa người dạy và người học, bởi sự hạn chế của thời gian lên lớp thường không đủ cho giáo viên giải đáp những thắc mắc của sinh viên. Bên cạnh đó, cách làm này cũng tạo cơ hội cho những sinh viên chưa nắm vững vấn đề nhưng lại e ngại không dám hỏi bài trên lớp được hỏi giáo viên một cách thoải mái mà không sợ bị các bạn hay giáo viên đánh giá, coi thường (sinh viên không cần điền tên mình vào phiếu

hỏi). Mô hình này cũng buộc giáo viên phải không ngừng hoàn thiện bản thân, nâng cao kiến thức để có thể đáp ứng được những yêu cầu của sinh viên.

3.2.1.2. Giờ thảo luận:

Giờ thảo luận là một trong những giờ học quan trọng nhất của phương thức đào tạo theo tín chỉ. Mục đích của giờ thảo luận là buộc tất cả sinh viên phải làm việc, phải trình bày ý kiến và thể hiện quan điểm của mình, qua đó cho thấy khả năng nắm bắt và giải quyết vấn đề của họ. Giờ thảo luận cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân, kỹ năng biết lắng nghe người khác... Ngoài những định hướng nội dung thảo luận lớn, giáo viên hoàn toàn có thể tiến hành xen kẽ các giờ thảo luận nhỏ trong các giờ lên lớp lý thuyết để thay đổi không khí của buổi học. Để các giờ thảo luận như vậy diễn ra sôi nổi, hấp dẫn và mới mẻ, thiết nghĩ có thể áp dụng 2 mô hình sau:

- Mô hình 1: Yêu cầu sinh viên sưu tầm hình ảnh, tư liệu theo chủ đề, sau đó trình bày bằng hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ trước lớp. Đây là cách học trực quan sinh động, với việc sinh viên phải tự mình tìm kiếm tư liệu thay vì thụ động đón nhận những hình ảnh tư liệu từ phía giáo viên sẽ giúp họ nắm vững vấn đề hơn, say mê với giờ học hơn đồng thời cũng giúp họ rèn luyện phương pháp khoa học thu thập và xử lý tư liệu, phục vụ cho quá trình nghiên cứu khoa học hoặc làm khóa luận tốt nghiệp sau này.

- Mô hình 2: Yêu cầu một nhóm sinh viên chuẩn bị tư liệu hình ảnh và mang đến lớp, sau đó chỉ định 1 nhóm sinh viên khác diễn giải, giải thích nội dung, ý nghĩa của những hình ảnh đó, cuối cùng nhóm sinh viên 1 (nhóm chuẩn bị tư liệu) sẽ đánh giá đúng, sai và trình bày thêm hoặc “chốt” lại vấn đề. Sinh viên thường có tính cạnh tranh cao, vì thế họ sẽ nỗ lực học tập để không bị thua bạn bè, nhất là khi tinh thần học tập đó được kết hợp với tinh thần làm việc nhóm. Hơn nữa, với mô hình này sẽ cho phép sinh viên được tự

do bày tỏ quan điểm, nhận thức của mình, vì thế lớp học sẽ đón nhận được những thông tin đa dạng, đa chiều dưới nhiều góc độ khác nhau. Ngay cả giáo viên cũng sẽ được lợi với phương pháp này bởi với sự làm việc tập thể của sinh viên, họ có thể nêu và giải quyết những vấn đề mà giáo viên chưa biết hoặc chưa kịp tìm hiểu...

3.2.1.3. Giờ tự học, tự nghiên cứu

Với triết lý tăng tính chủ động, tích cực của người học trong đào tạo theo tín chỉ, việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên là một hoạt động bắt buộc nhằm đảm bảo sự cân đối hợp lý giữa tải trọng kiến thức và thời gian tiếp xúc trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên, được coi là một hình thức dạy học bằng chính các hoạt động học tập của người học. Hoạt động tự học tự nghiên cứu của sinh viên bao hàm cả 2 công việc: chuẩn bị cho các giờ lên lớp (lý thuyết, seminar, làm việc nhóm...) và tự học có hướng dẫn (nghiên cứu, đọc tài liệu, hoàn thành các nhiệm vụ học tập, làm bài tập tuần, tháng, bài tập cuối kỳ...).

Mục tiêu chính của việc tổ chức hình thức dạy học này là rèn luyện cho sinh viên khả năng tự nghiên cứu, học hỏi, khả năng độc lập phát hiện và giải quyết vấn đề với các nguồn tài liệu, kinh nghiệm và những kiến thức, kỹ năng được triển khai ở trên lớp.

Thông thường có 2 xu hướng lựa chọn nội dung dành cho phần tự học, tự nghiên cứu của sinh viên: phần nội dung không dạy trên lớp và phần nội dung có tính mở rộng, thách thức cao. Song không phải sinh viên nào cũng biết cách tự học có hiệu quả, vì thế nhiệm vụ của giáo viên là phải định hướng và giúp đỡ sinh viên. Với giờ tự học trên lớp, chúng tôi thường tiến hành theo cách thức sau:

- Mô hình tự học trên lớp - Dạy cách đọc tài liệu:

Trước hết, giáo viên chọn trong chương trình môn học những nội dung, vấn đề nhất định (ngoài những nội dung, vấn đề đã được giảng dạy, thảo luận tại lớp hoặc hoạt động theo nhóm) để cho sinh viên tự đọc tài liệu, giáo trình trên lớp, có chỉ rõ mục đích, yêu cầu và cách thức thực hiện. Sau đó, giáo viên qui định khoảng thời gian cụ thể cho sinh viên tự đọc. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, với giờ tự học trên lớp, nếu giáo viên không theo sát thì rất ít sinh viên dùng để đọc giáo trình mà thường quay ra làm việc riêng. Họ thường nghĩ đơn giản rằng, đọc sách thì về nhà đọc cũng được dù rằng trên thực tế sau khi về nhà họ lại bị cuốn vào một công việc khác. Vì thế để kiểm tra việc đọc của sinh viên cũng như nhằm mục đích hướng dẫn cho sinh viên cách đọc tài liệu, chúng tôi thường áp dụng phương pháp sau: Sau khi hết thời gian qui định, chúng tôi chỉ định ngẫu nhiên từ 2 - 3 sinh viên lên bảng ghi tóm tắt lại những nội dung vừa đọc được, yêu cầu ghi ý chính và phải đảm bảo đủ ý và có tính hệ thống. Kết quả cho thấy là không có một sinh viên nào trình bày được đủ ý cần thiết và mỗi một sinh viên lại ghi những ý khác nhau theo cách hiểu của mình và theo những gì mình nhớ được. Tiếp đến, chúng tôi gọi những sinh viên khác đánh giá về phần ghi bảng của bạn mình theo tiêu chí đúng hay sai, thừa hay thiếu? Nếu sai thì sửa như thế nào và nếu thiếu thì bổ sung ra sao?... Cuối cùng, giáo viên sẽ tổng kết lại tất cả những ý quan trọng nhất cần phải nhớ trong phần tự đọc đó và yêu cầu sinh viên sửa lại để có được một kiến thức hoàn chỉnh.

Đối với phần nội dung có tính mở rộng, thông thường nên dành cho việc tự học ở nhà của sinh viên. Khi đó, nhiệm vụ của giáo viên là phải cung cấp tài liệu và giới thiệu địa chỉ tìm tài liệu tối thiểu sinh viên cần đọc, nghiên cứu; hướng dẫn cách thức tìm kiếm, xử lý thông tin khi tự học, tự nghiên cứu (chỉ rõ cách tìm kiếm theo cấu trúc kiến thức của bài học, cụ thể đến từng chương, mục, trang... của các học liệu thông qua các phiếu học tập phát cho sinh viên trong giờ lên lớp của bài học đó).

3.2.2. Bài tập thực tế

Kết hợp với nội dung giảng dạy, đối với môn học *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, mặc dù là một môn học lý thuyết nhưng để nâng cao tính chủ động sáng tạo và tinh thần tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, giáo viên có thể xây dựng những bài tập riêng phù hợp với đặc thù môn học và chuyên ngành đào tạo. Có thể chia thành hai dạng bài tập: bài tập nghiên cứu và bài tập thực hành.

- Bài tập nghiên cứu: Kết thúc mỗi nội dung học tập, giáo viên có thể ra dạng bài tập này với sinh viên như một cách hệ thống hóa và nhắc lại kiến thức đã học trên lớp, đồng thời buộc sinh viên phải tư duy để nâng cao vốn hiểu biết của mình, đáp ứng yêu cầu đề ra của bài tập. Một số ví dụ cụ thể:

1. Trong *Chương 1 - Văn hóa học và văn hóa Việt Nam, Phần Hoàn cảnh địa lý và Không gian văn hóa Việt Nam*, có thể ra một bài tập nghiên cứu như: “Yếu tố nước được thể hiện như thế nào trong các thành tố văn hóa Việt Nam?”. Để giải đáp vấn đề này, sinh viên phải nắm được điều kiện tự nhiên của Việt Nam là môi trường sông nước và yếu tố nước có mặt sâu đậm trong văn hóa dân tộc từ lối sống, tổ chức xã hội đến phương thức tư duy... từ đó đưa ra các ví dụ minh họa để chứng minh.

2. Cũng trong *Chương 1, Phần Mối quan hệ giữa văn hóa Việt Nam và khu vực*, có thể đưa ra bài tập “Tại sao nói Việt Nam như một Đông Nam Á thu nhỏ?”. Với đề tài này, sinh viên phải chứng minh văn hóa Việt Nam trong lịch sử có quan hệ gần gũi với văn hóa Đông Nam Á như thế nào, bao gồm cả phương diện gần gũi về nguồn gốc chủng tộc, về ngôn ngữ, về lối tư duy, về phương thức canh tác, tổ chức cộng đồng... Hoặc một bài tập khác như “Hãy lấy một số bằng chứng để làm sáng tỏ nhận xét về văn hóa Việt Nam - Vô Tà mà Lối Việt”. Sinh viên cần phải làm rõ mối quan hệ đặc biệt giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa Trung Hoa, vừa giao lưu vừa cưỡng bức, phải hiểu được văn hóa Việt Nam đã chịu những ảnh hưởng gì từ văn hóa Trung Quốc

nhưng ông cha ta đã tiếp biến thành công để biến những giá trị văn hóa đó thành gia tài văn hóa của người Việt như thế nào...

3. Trong *Chương 3 - Văn hóa tổ chức đời sống tập thể, Phần Tổ chức nông thôn*, có thể ra bài tập: “Bằng các thành tố văn hóa Việt Nam, hãy chứng minh văn hóa Việt Nam là văn hóa Làng xã?”. Với bài tập này, sinh viên phải nắm được cội nguồn sâu xa của văn hóa Việt Nam là văn minh nông nghiệp lúa nước. Yếu tố nông nghiệp đã ăn sâu vào mọi phương diện văn hóa truyền thống của dân tộc, tổ chức Làng xã là tổ chức xã hội quan trọng nhất của mỗi người dân Việt Nam, góp phần hình thành nên Văn hóa Làng xã trong đời sống và tâm thức của mỗi người, tạo nên các hằng số văn hóa Nông thôn - Nông nghiệp - Xóm làng. Cũng nằm trong phần *Tổ chức nông thôn*, có thể đưa thêm một số bài tập nghiên cứu như: “Cơ sở văn hóa nào giải thích câu nói dân gian - Phép vua thua lệ làng?” hay “Hãy giải mã biểu tượng cây đa - bến nước - sân đình trong văn hóa Việt Nam?”

4. Trong *Chương 6 - Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội*, chủ yếu tìm hiểu về các tôn giáo có ở Việt Nam như Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo..., có thể đưa ra một số bài tập nghiên cứu cho sinh viên như:

- Tìm hiểu sự khác biệt trong việc tiếp nhận Nho giáo giữa Việt Nam và Nhật Bản?

- Những khác biệt cơ bản của nền giáo dục xưa và nay?

- Giải mã biểu tượng bông sen trong Phật giáo Việt Nam?

- Khái quát những điểm tương đồng và khác biệt về bản chất của các tôn giáo?

Và còn rất nhiều bài tập nghiên cứu như vậy có thể giao cho sinh viên như một phần tổng kết và nâng cao kiến thức của từng ội dung học tập trong chương trình.

- **Bài tập thực hành:** Dạng bài tập này đối với môn học *Cơ sở văn hóa Việt Nam* không thể áp dụng như những môn học đòi hỏi sự liên hệ thực tế nhiều mà phải áp dụng một cách linh hoạt và tùy theo điều kiện khách quan của sinh viên cũng như thời gian học tập cụ thể của môn học. Chẳng hạn như nếu môn học được giảng dạy từ 10 tuần đến 15 tuần, quỹ thời gian sẽ rộng rãi hơn rất nhiều so với chỉ có 5 tuần học và sinh viên sẽ hào hứng tham gia thực hiện những bài tập do giáo viên đề ra. Đầu sao, ở đây chúng tôi cũng xin đơn cử một số bài tập có thể ứng dụng được để nâng cao tính chủ động sáng tạo của người học, phù hợp với yêu cầu của đào tạo theo hệ thống tín chỉ:

1. Khảo tả một đến hai phong tục, tập quán của Việt Nam.
2. Viết một tiểu luận ngắn (3-5 trang) về một vấn đề văn hóa tự chọn.
3. Đi thực tế Làng nghề, Phố nghề.
4. Tham quan các công trình kiến trúc tôn giáo (Đình - nơi thờ thần Thành hoàng, Phủ - nơi thờ Mẫu, Đền - nơi thờ thần của Đạo giáo, Chùa - nơi thờ Phật, Văn Miếu - nơi thờ các bậc tiên hiền của Nho giáo, Nhà thờ - nơi thờ Chúa...).
5. Đóng tiểu phẩm, múa hát, chơi nhạc cụ dân tộc (tùy thuộc vào khả năng của sinh viên).

Trên đây chỉ là một số gợi ý để giúp cho việc biến một môn học nặng về lý thuyết như môn *Cơ sở văn hóa Việt Nam* trở thành một môn học gắn với thực tiễn nhiều hơn, hấp dẫn, sinh động hơn đồng thời đáp ứng những đòi hỏi của việc “Lấy người học làm trung tâm”. Việc ứng dụng như thế nào cần căn cứ vào tình hình giảng dạy cụ thể, khả năng của giáo viên và đặc thù của sinh viên...

3.3. Một số kiến nghị và đề xuất :

3.3.1. Thời khóa biểu

Trước đây, lịch trình giảng dạy đối với môn học *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, cũng như nhiều môn học khác là 15 tuần, nhưng từ năm học 2008-2009, nhà trường bắt đầu áp dụng 3 học kỳ / niên học, vì vậy thời gian học tập trong mỗi học kỳ được rút ngắn xuống còn 10 tuần. Học kỳ 1 thường được bắt đầu từ giữa tháng 8. Theo chương trình đào tạo, môn học *Cơ sở văn hóa Việt Nam* được giảng dạy ngay từ học kỳ đầu của năm học thứ nhất, nhưng đối với khóa 12 và cao đẳng khóa 5 ngành Văn hóa du lịch năm vừa rồi, đến cuối tháng 9 các em mới chính thức nhập học (cụ thể là các em bắt đầu thời khóa biểu học tập từ 29/9/2008). Để đảm bảo thời gian thi cử của các em cùng kết thúc với các khóa trước và thời gian bắt đầu học kỳ 2 trong toàn trường là như nhau, nên phòng Đào tạo chủ trương đối với khóa 12 và cao đẳng khóa 5, thời gian học chính thức trong học kỳ 1 là 5 tuần (kết thúc vào ngày 1/11/2008). Với 5 tuần học đó, để giảm tải cho các em, nên trong học kỳ 1 các em chỉ phải học tổng cộng 3 môn (*Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Tiếng Việt thực hành, Kinh tế học đại cương). Xét về mặt lý thuyết, thời gian 5 tuần là đủ để cho sinh viên kết thúc 3 môn học trên và bước vào kỳ thi học kỳ, nhưng theo thiện nghĩ của chúng tôi khoảng thời gian đó không đủ để các em dung nạp hết lượng kiến thức phong phú của 3 môn học, đặc biệt là môn học *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nói chính xác hơn, với việc áp dụng các phương pháp giảng dạy mới, thì mục tiêu học tập đã được thay đổi, từ chỗ học thuộc, ghi nhớ kiến thức phục vụ cho việc thi cử là chính đã chuyển sang Học - Hiểu, học để tự mình làm chủ kiến thức, học để biết cách giải quyết vấn đề... Nếu như trước đây, các em chỉ cần tuân theo một cách học đơn giản là ghi lại những gì thầy cô giảng trên lớp, sau đó học thuộc lòng rồi đi thi thì với đề cương giảng dạy theo tín chỉ, có những phần giáo viên không giảng mà yêu cầu sinh viên tự tìm tòi, tự nghiên cứu, tự

hệ thống dựa trên sự định hướng của thầy cô. Công việc đó đòi hỏi phải có thời gian mới đem lại hiệu quả tích cực, nếu không sinh viên lại tìm cách học gạo hoặc dựa vào thành quả của người khác (chẳng hạn như trong lớp chỉ có một vài sinh viên làm đề cương, những sinh viên khác mượn đi foto rồi học thuộc). Những hạn chế này đã được chứng minh qua kết quả làm bài kiểm tra học kỳ vừa rồi của các em. Khi chấm bài thi, chúng tôi thấy rất thất vọng vì mặc dù đề thi phần lớn là các câu hỏi tự luận (vì là môn học thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội) song chỉ có rất ít sinh viên làm bài thi theo cách hiểu của mình, bằng chính ngôn ngữ và tư duy của mình, tạo thành một bài viết hoàn chỉnh, có mở đầu, có nội dung, có kết luận. Còn lại hầu hết đều làm bài thi tự luận theo hướng gạch ra những đầu dòng hoặc những ý chính, giữa các ý này không hề có câu từ liên kết, có ý chuyển tiếp... Nhưng chúng tôi vẫn phải cho điểm các em (dù không cao) vì nội dung các em trình bày vẫn nằm trong đáp án của đề thi. Có thể vấn đề này đến từ việc đây là lần đầu tiên áp dụng bộ đề thi với ngân hàng câu hỏi gồm 60 câu nên lượng kiến thức các em phải học so với các khóa trước lớn hơn gấp nhiều lần, song thiết nghĩ nếu có thời gian học nhiều hơn, nếu có sự hài hòa giữa thời gian học tập trên lớp với thời gian tự học ở nhà hơn, chắc chắn lượng kiến thức được truyền thụ từ từ sẽ được các em tiếp thu lâu hơn và hệ thống hơn, hay nói cách khác kiến thức sẽ ăn sâu và “ngấm” hơn.

Vì vậy, chúng tôi kính chuyển đề nghị tới phòng Đào tạo xem xét lại việc sắp xếp thời khóa biểu cho các khóa học sau trong học kỳ đầu tiên của năm thứ nhất. Nếu có thể, nên kéo dài thời gian của học kỳ này đối với khóa sinh viên mới tối thiểu là 7 tuần, nếu không thể, có thể sắp xếp các môn học khác có dung lượng kiến thức ít hơn thay thế (chẳng hạn như các môn học nghiêng về thực hành) và chuyển những môn học nặng về lý thuyết như môn *Cơ sở văn hóa Việt Nam* sang học kỳ sau để cả giáo viên và sinh viên có nhiều thời gian hơn để áp dụng những phương pháp giảng dạy và học tập mới một

cách thật sự hiệu quả.

Một vấn đề nữa cũng liên quan đến việc sắp xếp thời khóa biểu của môn học. Trong học kỳ 1 năm học vừa rồi, chúng tôi được phân công giảng dạy vào các khoảng thời gian cụ thể trong tuần như sau: 3 tiết đầu sáng thứ 2, 3 tiết đầu sáng thứ 4 và 3 tiết cuối sáng thứ 5. Thông thường kết thúc mỗi buổi học, giáo viên sẽ tổng kết giờ học và giao vấn đề để sinh viên về nhà chuẩn bị cho buổi học sau. Nhưng với hai buổi học được sắp xếp liền nhau (thứ 4, thứ 5), đôi khi thời gian không đủ để các em tiến hành chuẩn bị nội dung học tập trước hoặc làm bài tập giáo viên giao một cách chu đáo, nhất là những bài tập có liên quan đến hoạt động Làm việc nhóm. Một ví dụ cụ thể là vào một buổi học hôm thứ 4, để chuẩn bị cho buổi học sau (vào thứ 5) với nội dung *Tìm hiểu về đặc điểm của Phật giáo Việt Nam*, chúng tôi có yêu cầu các nhóm làm một bài tập là cùng nhau đến tham quan một ngôi chùa trong địa bàn thành phố, viết báo cáo trình bày về lịch sử hình thành, giá trị và đặc trưng kiến trúc của ngôi chùa đó, qua đó khái quát những đặc điểm riêng biệt của đạo Phật Việt Nam thể hiện trong kiến trúc. Với thời gian được nghỉ buổi chiều thứ 4, các nhóm đều đã thực hiện yêu cầu giáo viên đề ra, nhưng có lẽ do thời gian gấp nên bài báo cáo của các em không thật sự tốt. Sở dĩ chúng tôi không thể giao vấn đề cho các em sớm hơn vì buổi học thứ 2 cùng tuần đó, các em cũng phải hoàn thành một bài tập khác để báo cáo vào hôm thứ 4 là *Tìm hiểu và giới thiệu về một loại hình nghệ thuật truyền thống*. Xuất phát từ kinh nghiệm thực tế như vậy, nên chúng tôi cũng mong phòng Đào tạo khi sắp xếp thời khóa biểu cho các giáo viên cơ hữu nếu có thể nên dàn đều các tiết học trong một tuần, chẳng hạn như có thể chuyển thời gian học cho mỗi môn học cụ thể theo một khoảng cách biệt chung là 1 ngày, ví dụ từng môn học sẽ được sắp xếp vào các ngày trong tuần lần lượt như thứ 2, 4, 6 hoặc thứ 3, 5, 7. Lý tưởng nhất là mỗi tuần chỉ nên có 2 buổi học dành cho mỗi môn để sinh viên có thêm nhiều thời gian tự học ở nhà và thực hiện tốt các yêu cầu, bài tập mà giáo viên

giao.

3.3.2. Sĩ số lớp học

Để thực hiện tốt việc đổi mới giảng dạy phù hợp với yêu cầu của hệ thống đào tạo theo tín chỉ, sĩ số mỗi lớp học không nên sắp xếp quá đông. Thực tế cho thấy là dạy học ở các lớp học đông người dễ gây ra những tác động bất lợi đến tinh thần, sự năng động và tự tin của giảng viên. Mặc dù rất nhiều giảng viên có thể quản lý một cách thành công lớp học với số người bất kỳ, nhưng điều này thường tiêu phí nhiều sức lực của giảng viên và hạn chế sự tiếp nhận kiến thức của sinh viên. Nhiều giảng viên của các lớp học đông người cảm thấy họ tiêu phí nhiều thời gian vào việc tổ chức và quản lý các hoạt động của lớp học và họ không có đủ thời gian đáp ứng các nhu cầu của mỗi một em riêng biệt. Đối với giáo viên, vấn đề lớn nhất khi vừa phải dạy học ở lớp học đông người vừa phải tiến hành đổi mới các phương pháp giảng dạy là khó gần gũi được sinh viên để hiểu biết họ, khó đưa ra lời khuyên hay hướng dẫn riêng cho sinh viên, vấn đề tổ chức trở nên phức tạp, gây khó khăn trong việc lập kế hoạch giảng dạy và thực hành. Ngoài ra cũng có thể phát sinh một số vấn đề kỹ thuật trong khi làm việc với lớp học đông người như những khó khăn trong việc chiếu hình để tất cả sinh viên nhìn thấy một cách rõ ràng, việc copy một số lượng lớn bài tập và tờ giấy thi cũng là một nguyên nhân của sự khó khăn, đồng thời chất lượng nhận xét sinh viên có thể bị giảm nhiều trong các lớp học đông người... Bên cạnh đó, các lớp học đông người và các phòng học chật chội cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến hành vi và việc học tập của sinh viên (mất trật tự, nảy sinh tâm lý chán chường, lơ là học tập...).

Vì thế, để đảm bảo việc triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy đáp ứng yêu cầu của học chế tín chỉ đạt hiệu quả tốt, thiết nghĩ nhà trường nên có những định mức chung đối với sĩ số của từng lớp học phù hợp với từng

chuyên ngành đào tạo. Hiện nay, nhà trường đã có qui định về sĩ số lớp ít với các lớp Ngoại ngữ, có thể áp dụng tương tự với các ngành học khác nhưng với một định mức khác, có thể là cao hơn một chút nhưng không quá đông. Chẳng hạn như đối với ngành Văn hóa du lịch, chỉ nên dao động từ 50 - 60 sinh viên/lớp. Hiện nay, việc thực hiện đào tạo theo tín chỉ cho phép sinh viên nhiều ngành học chung một môn trong một lớp học, thiết nghĩ cũng chỉ nên qui định một con số phù hợp để thuận lợi cho việc giảng dạy, học tập của cả giáo viên và sinh viên.

3.3.3. Cải tiến kỹ năng học tập cho sinh viên

Có thể nói rằng kỹ năng học tập và nghiên cứu góp phần quan trọng vào sự thành công của sinh viên. Nói một cách chính xác, kỹ năng học tập sẽ theo sinh viên suốt đời, không chỉ giới hạn trong sự thành công ở mỗi kỳ thi cuối khóa.

Những kỹ năng học tập suốt đời này có thể được phát triển trong các khóa học và bao gồm kỹ năng tự tổ chức, các kỹ năng chuyên sâu hơn, như là phân tích, phán xét, tổng hợp, ứng dụng, định vị, truy cập, phiên dịch, đánh giá và quản lý thông tin, có tầm nhìn sâu, rộng và khả năng tổng hợp kiến thức... Chính vì nhận thức được vai trò của việc rèn luyện cho sinh viên kỹ năng học tập và giao tiếp nên nhà trường đã thành lập Trung tâm phát triển kỹ năng con người (Ngôi sao tương lai). Thiết nghĩ trên cơ sở này, nhà trường nên đưa vào chương trình giảng dạy đại cương của tất cả các ngành một/một số môn học phát triển kỹ năng để tạo tiền đề cho việc đổi mới phương pháp học tập của sinh viên bởi nếu bản thân sinh viên không được trang bị các kỹ năng và không nhận thức được về việc học của mình thì việc đổi mới phương pháp giảng dạy của giáo viên không thể tiến hành một cách hiệu quả được.

Một trong những hoạt động quan trọng khác góp phần cải tiến kỹ năng học tập cho sinh viên là phải *phát triển kỹ năng khai thác thông tin cho sinh*

viên. Chúng ta đều biết với những phát triển của công nghệ máy tính trong những năm gần đây, người dân có thể truy cập tốt hơn vào mạng máy tính thế giới, với cước phí giảm thấp nhiều so với trước kia đã tạo ra một làn sóng giao tiếp mới - giáo dục dựa trên máy tính - ở mọi cấp độ. Những chuyên ngành và những môn học khác nhau có thể khai thác những kỹ năng khác nhau cũng như những cấp độ khác nhau của máy tính. Nhưng phần lớn sinh viên hiện nay đang dùng máy tính như một trong những phương tiện giải trí hiệu quả là chính, dùng để đọc báo, xem phim, nghe nhạc, chơi game, viết blog, chat với bạn bè... Chính vì vậy, nhà trường nên có những chính sách khuyến khích việc sử dụng máy tính của sinh viên vào mục đích học tập như cho phép sinh viên truy cập Internet miễn phí, bố trí máy tính ở những vị trí tiện lợi như gần khu vực học, những trung tâm được sử dụng nhiều nhất. Máy tính sẽ đóng vai trò hỗ trợ như một công cụ trực tuyến giúp sinh viên tự định hướng học tập: tra cứu tài liệu, liên lạc thư điện tử, tự đánh giá quá trình học. Đồng thời, ngoài những phần mềm tài liệu điện tử mua về, nhà trường nên xây dựng một kho tài liệu điện tử riêng, phù hợp với chương trình đào tạo của trường Đại học Dân lập Hải Phòng và đặc điểm của sinh viên trong trường.

Một đề nghị nữa là: xuất phát từ kinh nghiệm giảng dạy thực tế, chúng tôi nhận thấy sinh viên rất lười đọc tài liệu tham khảo, ngay cả giáo trình chính cũng ít sinh viên chịu nghiên cứu ngoài những nội dung được giáo viên chỉ định yêu cầu rõ. Vì thế, để khuyến khích sinh viên tích lũy kiến thức và hình thành văn hóa đọc, ngoài việc hằng năm Trung tâm Thư viện trường trang bị thêm các cuốn sách giáo khoa, giáo trình và tài liệu tham khảo, nhà trường có thể tiến hành chính sách không thu tiền thuê sách với sinh viên (vẫn áp dụng việc trả tiền đọc với loại hình truyện) mà cho phép sinh viên mượn miễn phí, tăng số lượng được mượn trong một kỳ. Dù trên thực tế, số tiền nhà trường thu trên một đầu sách từ trước đến nay không đáng bao nhiêu nhưng việc này vẫn gây tâm lý e ngại với sinh viên. Rất nhiều sinh viên cho rằng họ

đã đóng học phí thì đương nhiên phải được hưởng quyền mượn tài liệu miễn phí từ Thư viện trường. Nếu để đảm bảo việc cân bằng cán cân thu chi, nhà trường có thể thu riêng một khoản phí tương đương với việc làm thẻ thư viện và sử dụng thư viện trong mỗi năm học, mức phí đề xuất là từ 10.000 - 20.000đ/năm học. Làm như vậy có thể xóa bỏ đi những hiểu lầm về việc “cho thuê sách” của nhà trường trong sinh viên, đồng thời khuyến khích sinh viên sử dụng quyền lợi chính đáng của họ để hoàn thiện tri thức, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của phương thức học tập theo tín chỉ. Bên cạnh đó, nhà trường nên quan tâm hơn đến thời gian mượn trả sách như có qui định cụ thể về mặt thời gian, định lượng đối với từng lớp, từng ngành. Nhất là đối với sinh viên năm thứ nhất, việc mượn sách của các em còn chưa kịp thời, nhiều khi vào học chính thức hơn một, hai tuần, các em mới mượn được giáo trình, lý do là vì các em chưa có thẻ sinh viên. Điều này gây ảnh hưởng rất nhiều đến việc áp dụng đổi mới phương pháp giảng dạy của giáo viên và chất lượng học tập chung của sinh viên, nhất là đối với những giờ tự học trên lớp. Biện pháp đề xuất là cho các em biết trước thời khóa biểu ít nhất là 2 ngày, biết trước đề cương của những môn học sẽ học trong học kỳ đó để các em biết được cần phải mượn những tài liệu và giáo trình gì? Nếu việc làm thẻ sinh viên vẫn chưa tiến hành kịp, có thể áp dụng như năm học 2008-2009 vừa qua, cho phép các em mượn theo mã sinh viên, nhưng phải sắp xếp thời gian cho mượn trước khi lịch học chính thức bắt đầu để trong buổi học đầu tiên của mỗi môn học, các em đều đã sẵn sàng về mặt tài liệu, giáo trình.

Trên đây là một vài ý kiến cá nhân của chúng tôi đúc kết được từ trong quá trình áp dụng đổi mới phương pháp giảng dạy năm học 2008-2009. Rất mong nhà trường và các phòng ban có liên quan xem xét để nếu có thể giải quyết được thì sớm thay đổi để hỗ trợ chúng tôi trong việc áp dụng đổi mới phương pháp giảng dạy, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của phương thức đào tạo theo tín chỉ.

3.4. Tiểu kết:

Trong chương này, tác giả đề tài đã mạnh dạn bổ sung thêm một số phương pháp giảng dạy mới cũng như một số mô hình bài giảng và bài tập thực tế có thể áp dụng trong học chế tín chỉ nhằm tích cực hóa vai trò của cả người dạy và đặc biệt là người học. Bên cạnh đó, người viết cũng đưa ra một số kiến nghị và đề xuất với các cấp lãnh đạo trường để mong nhận được sự hỗ trợ nhiều hơn, nhằm giúp ổn định tâm lý sinh viên, tạo điều kiện cho quá trình giảng dạy của giáo viên... Tuy nhiên việc có áp dụng hay không những phương pháp và mô hình bài giảng kể trên, áp dụng như thế nào còn tùy thuộc vào bản thân mỗi giáo viên, vào điều kiện cụ thể của lớp học cũng như những điều kiện khách quan bên ngoài.

KẾT LUẬN

Chuyển đổi phương thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ cũng như chuyển đổi từ xu hướng giáo dục “Người dạy là trung tâm” sang “Lấy người học làm trung tâm” là một yêu cầu tất yếu của nền giáo dục Việt Nam hiện nay, đặc biệt là trong môi trường giáo dục đại học. Bởi vì, tình trạng bùng nổ kiến thức, sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ giáo dục, áp lực xã hội về đòi hỏi sự bình đẳng trong giáo dục, tất cả khiến cho các phương pháp dạy và học xưa cũ không còn thích hợp với thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Người ta đòi hỏi những phương thức mới, những hoạt động giảng dạy và học tập mới nhằm phát huy tối đa các tiềm năng của người học. Tất cả các phương thức và hoạt động ấy không thể phát xuất từ trí tưởng tượng hay hình dung của bất kỳ nhân vật xuất chúng nào mà phải được đặt căn bản trên những công trình nghiên cứu khoa học cụ thể, là nỗ lực của người giảng viên. Những công trình nghiên cứu chung của các học giả trong và ngoài nước về hệ thống đào tạo theo tín chỉ có thể giúp chúng ta định hướng nhưng không thể giúp chúng ta giải quyết những vấn đề nội tại phát sinh từ chính bản thân chúng ta. Hay nói cách khác, mọi sự đổi mới phương pháp giảng dạy cần phải được đặt trên những nền tảng cụ thể, đó là mục tiêu và chương trình đào tạo của từng trường, đặc thù của sinh viên trường đó... Đó cũng chính là mục tiêu và ý nghĩa thực tiễn của đề tài khoa học này. Tuy nhiên, nghiên cứu xong đề tài này, với chúng tôi không có nghĩa là tròn nhiệm vụ. Sự học là không bờ bến, do đó bản thân chúng tôi sẽ nỗ lực không ngừng để ngày càng hoàn thiện cả về tri thức cũng như nhân cách để ngày càng mang lại nhiều phương pháp giảng dạy tích cực, nhiều bài giảng hay, nhiều kiến thức bổ ích hơn cho sinh viên cũng như cho chính bản thân mình./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Anh:

1. Barry Dart and Gillian Boulton - Lewis, *Teaching and Learning in Higher Education*, Hội đồng nghiên cứu giáo dục Úc, Melbourne, 1998.
2. James Hartley, *Learning and Studying: A research perspective*, Routledge, London, 1998.

II. Tiếng Việt:

1. Quyết định số 31/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 30 tháng 7 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc thí điểm tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính qui theo học chế tín chỉ.
2. Các văn bản hướng dẫn số 771, 775/ĐT ngày 11 tháng 8 năm 2006 của Đại học Quốc gia Hà Nội về chuyển đổi chương trình và xây dựng đề cương môn học theo tín chỉ trong Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. TS. Tôn Quang Cường, *Các hình thức tổ chức dạy học trong mối quan hệ với phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong đào tạo theo tín chỉ*, Khoa Sư phạm, Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. TS. Ngô Thu Dung, *Phương pháp dạy học nhóm, một phương pháp thích hợp cần sử dụng trong giảng dạy và tổ chức một số môn học và hoạt động giáo dục theo học chế tín chỉ*, Khoa Sư phạm - Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. TS. Lê Văn Hảo, *Nâng cao chất lượng đào tạo thông qua phương pháp dạy học dựa trên vấn đề*, Trường Đại học Nha Trang.
6. Koichiro Matsura, *Một vài ý tưởng cho mô hình dạy và học thế kỷ 21*, Tổng giám đốc UNESCO - Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên Hiệp Quốc.
7. TS. Eli Mazur và TS. Phạm Thị Ly, *Mục tiêu sư phạm của hệ thống đào tạo*

theo tín chỉ Mỹ và những gợi ý cho cải cách giáo dục đại học Việt Nam.

8. Lê Đức Ngọc, *Phương pháp dạy và học Đại học áp dụng trong học chế tín chỉ*, Trường Đại học Đà Lạt.

9. Lê Đức Ngọc và Cao Xuân Liễu, *Phương pháp sư phạm tương tác và hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ*, Khoa Sư phạm - Trường đại học Đà Lạt.

10. Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục, 1998.

11. GS.TS. Dương Thiệu Tống, *Giảng dạy và học tập ở đại học trong thời kỳ hiện đại hóa*.

12. Trần Quốc Vượng, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục, 1998.

III. Website:

1. http://www.vef.gov/download/Higher_Education_in_Vietnam.pdf.

2. <http://www.atimes.com/reports/BL23Ai02.html>.

3. http://europa.eu.int/comn/education/policies/educ/tuning/tuning_en.html

4. http://bologna.mgimo.ru/about.php?cat_id=3&doc_id=34

PHỤ LỤC

1. Đề cương chi tiết tín chỉ môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam - Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.
2. Phiếu khảo sát ý kiến sinh viên về việc đổi mới phương pháp giảng dạy.
3. Ví dụ minh họa đề thi kiểm tra trắc nghiệm giữa kỳ.
4. Ví dụ minh họa một bài giảng điện tử: *Các vùng văn hóa Việt Nam*